

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Đức Phương

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI BẢO HƯNG LONG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Đức Phương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Nguyễn Đức Phương Mã SV:1712401030
Ngành : Kế toán – Kiểm toán
Lớp : QT2101K
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Bảo hưng Long

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.
- Số liệu về thực trạng kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty.
- Hệ thống sổ, phiếu, HD kế toán liên quan đến tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long
- Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.....	2
1.2 Nội dung kế toán thanh toán với người mua	4
1.2.1 Nguyên tắc thanh toán với người mua.....	4
1.2.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người mua.....	5
1.2.2.1. Tài khoản sử dụng.....	5
1.2.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.....	6
1.3 Nội dung kế toán thanh toán với người bán.	11
1.3.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán.....	11
1.3.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	14
1.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán.....	20
1.4.1. Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung.	20
1.4.2. Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái :.....	22
1.4.3. Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.	24
1.4.4. Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký- Chứng từ :	26
1.4.5. Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BẢO HƯNG LONG	30
2.1 Khái quát chung về Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long	30
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.	30
2.1.2. Chức năng ngành nghề kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long	31
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công Ty Cổ Phần thương Mại Bảo Hưng Long	31
2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công Ty Cổ Phần thương Mại Bảo Hưng Long	35

2.1.5 Hình thức kế toán, chế độ, chính sách kế toán áp dụng tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long	37
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.	39
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long:.....	39
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.....	40
2.2.3 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.....	54
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BẢO HƯNG LONG.	72
3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long	72
3.1.1 Ưu điểm	72
3.1.2 Hạn chế	73
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.	73
3.2.1 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	73
KẾT LUẬN	82
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	83

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT 200/2014/TT-BTC	10
Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo TT 200/2014/TT-BTC.....	19
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung.	21
Sơ đồ 1.4: trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái:.....	23
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	25
Sơ đồ 1.6 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.....	27
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy	28
Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy của Công ty	32
Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.....	35
Sơ đồ 2.3 :Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức NKC.....	39
Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại Công ty.....	41
Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Hưng Long	55

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT số 00002044	43
Biểu số 2.2 : Giấy báo có số 927.....	44
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 00002056	46
Biểu số 2.4 : Giấy báo có số 928.....	48
Biểu số 2.5: Sổ Nhật kí chung	49
Biểu 2.6: Sổ cái TK 131	50
Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng 131	51
Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng 131	52
Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng	53
Biểu số 2.10: Ủy nhiệm chi số 386	57
Biểu số 2.11: Giấy báo nợ số 944	58
Biểu số 2.12:Hóa đơn GTGT số 00003339	60
Biểu số 2.13:Hóa đơn GTGT số 00003371	62
Biểu số 2.14: Ủy nhiệm chi số 392	65
Biểu số 2.15: Giấy báo nợ số 952	66
Biểu số 2.16: Sổ Nhật ký chung.....	67
Biểu số 2.17: Sổ cái TK 331	68
Biểu số 2.18: Sổ chi tiết TK 331	69
Biểu số 2.19: Sổ chi tiết TK 331	70
Biểu số 2.20: Bảng tổng hợp TK 331.....	71

LỜI MỞ ĐẦU

Như chúng ta đã biết, vai trò của bộ máy kế toán đối với bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp, hay một nền kinh tế là rất quan trọng. Bộ máy kế toán giúp chúng ta hoạch định được chiến lược tài chính, là cơ sở tiền đề để phát triển một tổ chức kinh tế, doanh nghiệp,... giúp doanh nghiệp có bước đi đúng đắn trong công việc quản trị .

Đối với doanh nghiệp hay bất kỳ tổ chức kinh tế nào, vấn đề về dòng tiền hay cụ thể là vấn đề về vốn lưu động, quan hệ thanh toán giữa người mua và người bán gắn liền với quá trình giao dịch, mua bán hàng hóa. Kế toán thanh toán với người mua và người bán đóng một vai trò rất quan trọng trong việc kiểm soát dòng tiền hoạt động kinh doanh, công nợ phải thu, phải trả. Giúp hạch toán và thống kê rõ ràng khối lượng số liệu thường xuyên biến đổi.

Những giao dịch kinh tế ngày một trở nên phức tạp và nhiều hơn trong thời buổi kinh tế hiện nay. Điều đó cũng đồng nghĩa với trình độ và kỹ năng của kế toán thanh toán phải ngày một chuyên nghiệp hơn. Kế toán thanh toán không chỉ có nhiệm vụ hạch toán, nhập liệu mà còn đòi hỏi phải có kỹ năng về dự báo, kiểm soát công nợ phải thu và công nợ phải trả một cách hệ thống. Tránh những trường hợp rủi ro thanh toán, thiếu hụt dòng tiền trả nợ nhà cung cấp hoặc không đủ dòng tiền để đáp ứng những hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty .

Quá trình tìm hiểu cũng như những kiến thức đã được học tại trường cùng với sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của giảng viên Th.S Nguyễn Văn Thụ em đã nhìn nhận được tầm quan trọng và ý nghĩa đã nêu trên. Em đã đi sâu, tìm hiểu và lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long”*** để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.

+ **Khái niệm thanh toán:** Là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

+ **Phương thức thanh toán:** Là cách thức chi trả, thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, các đơn vị, các doanh nghiệp với nhau. Phương thức thanh toán có thể thực hiện bằng tiền mặt, séc, thanh toán qua ngân hàng, thẻ tín dụng,... theo sự thoả thuận của các bên trong giao dịch.

➤ *Chi tiết các phương thức thanh toán tiền mua hàng trong nước:*

Thông thường có 2 cách thức thanh toán là thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- **Phương thức thanh toán trả ngay :** Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển từ người mua sang người bán ngay sau khi quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa bị chuyển giao. Theo phương thức này sự vận động của hàng hóa gắn liền với sự vận động của tiền tệ.

Cụ thể : Sau khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán cho doanh nghiệp ngay sau khi hàng được giao, khách hàng sẽ thanh toán bằng hình thức thanh toán tiền mặt, thanh toán bằng chuyển khoản tùy theo .

- **Phương thức thanh toán chậm trả:** Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển giao sau một khoảng thời gian so với thời điểm chuyển quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, do đó hình thành khoản công nợ phải thu khách hàng. Nợ phải thu cần được hạch toán quản lý chi tiết cho từng đối tượng phải thu và ghi chép theo từng lần thanh toán. Theo hình thức này, sự vận động của hàng hóa và tiền tệ có khoảng cách về không gian và thời gian.

Cụ thể : Khách hàng ký hợp đồng công nợ với công ty, Sau khi chuyển giao hàng hóa và đến kỳ thanh toán công nợ theo như hợp đồng kinh tế, khách hàng thanh toán cho công ty bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ **Hình thức thanh toán:** Có hai hình thức thanh toán cơ bản là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

Thanh toán bằng tiền mặt: là hình thức thanh toán bằng tiền mặt, cụ thể như: tiền Việt Nam, ngoại tệ, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, ... Hình thức thanh toán này áp dụng cho những giao dịch có giá trị nhỏ và đơn giản, chuyển giao hàng hóa và nghĩa vụ kiểm soát hàng hóa cho khách hàng đồng thời kéo theo nghĩa vụ thanh toán. Bên mua hàng sẽ xuất tiền mặt để trả cho bên bán hàng ngay sau khi hàng hóa được chuyển giao. Hình thức này thường được áp dụng để thanh toán cho khách hàng, đối tác, nhà cung cấp nhỏ.

Thanh toán không bằng tiền mặt: là quá trình thanh toán không có sự xuất hiện của tiền mặt mà chỉ là tiền ghi sổ, nghĩa là dựa trên số tiền tại tài khoản tiền gửi Ngân hàng. Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt bao gồm: Thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, thẻ thanh toán, thư tín dụng.

- Thanh toán bằng Séc: Séc thanh toán là một lệnh vô điều kiện thể hiện dưới dạng chứng từ của người chủ tài khoản, ra lệnh cho Ngân hàng trích từ tài khoản của mình để trả cho người có tên trong séc hoặc trả theo lệnh của người ấy hoặc trả cho người cầm séc một số tiền nhất định bằng tiền mặt hay chuyển khoản.

- Thanh toán bằng ủy nhiệm thu: Ủy nhiệm thu là lệnh của người thụ hưởng, ra lệnh cho ngân hàng thu tiền của người mua hàng.

- Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: Ủy nhiệm chi là lệnh của người trả tiền cho ngân hàng về việc trích chuyển tiền từ tài khoản của mình sang tài khoản chủ nợ. Đây là 1 hình thức thanh toán khá phổ biến trong nền kinh tế khi các nước bắt đầu chuyển sang nền kinh tế thị trường.

- Thanh toán bằng thư tín dụng: Thư tín dụng (LC) là thư do ngân hàng phát hành, theo yêu cầu của người nhập khẩu, cam kết với người bán về việc thanh toán một khoản tiền nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định, nếu người bán xuất trình được một bộ chứng từ hợp lệ, đúng theo quy định trong LC.

- Hợp đồng ngoại thương là hợp đồng ký kết giữa các bên có quốc tịch khác nhau hoặc có trụ sở thương mại ở các nước khác nhau. Theo luật Việt Nam: Hợp đồng ký với thương nhân nước ngoài có nghĩa là một bên là thương nhân Việt Nam một bên là thương nhân nước ngoài.

- Trong nội dung của hợp đồng ngoại thương cần phải có sự thỏa thuận về phương thức thanh toán, trong trường hợp này công ty bạn đã lựa chọn phương thức thanh toán bằng thư tín dụng. Như vậy, bạn có thể trình bày phần quy định về mở LC trong mục thanh toán tại nội dung của hợp đồng, chẳng hạn như thời hạn thanh toán, ngân hàng thụ hưởng, đơn vị tiền thanh toán,...

- Thanh toán bằng thẻ thanh toán: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

1.2 Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1 Nguyên tắc thanh toán với người mua.

- Kế toán thanh toán với người mua phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kì hạn thu hồi và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận phải thu khách hàng đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

- Kế toán tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được để có căn cứ xác định số trích lập số dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản thu không đòi được. Khoản thiệt hại về nợ phải thu khó đòi sau khi trừ dự phòng đã trích lập được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kì báo cáo. Khoản nợ khó đòi đã xử lý khi đòi được, hạch toán vào thu nhập khác.

- Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, BĐSĐT đã giao, dịch vụ cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

1.2.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người mua.

➤ **Chứng từ, sổ sách sử dụng.**

- Hợp đồng kinh tế (áp dụng cho mọi khách hàng có nhu cầu mua hàng, bất kể khách hàng cá nhân hay doanh nghiệp).
- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) .
- Chứng từ thu tiền: Phiếu thu, Giấy báo có.
- Biên bản đối chiếu công nợ.

1.2.2.1. Tài khoản sử dụng

TK 131: Phải thu của khách hàng.

Kết cấu của TK 131:

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính. - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng. - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền khách hàng đã trả nợ. - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng. - Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại; - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT); - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua. - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
<p>Số dư bên nợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền còn phải thu của khách hàng. 	<p>Số dư bên có (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

1.2.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.

1. Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

a) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

2. Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

3. Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

a) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

b) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo

giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211,5212)(giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

4. Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

5. Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

6. Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

c) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

d) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

đ) Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

7. Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611 - Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

8. Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

9. Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

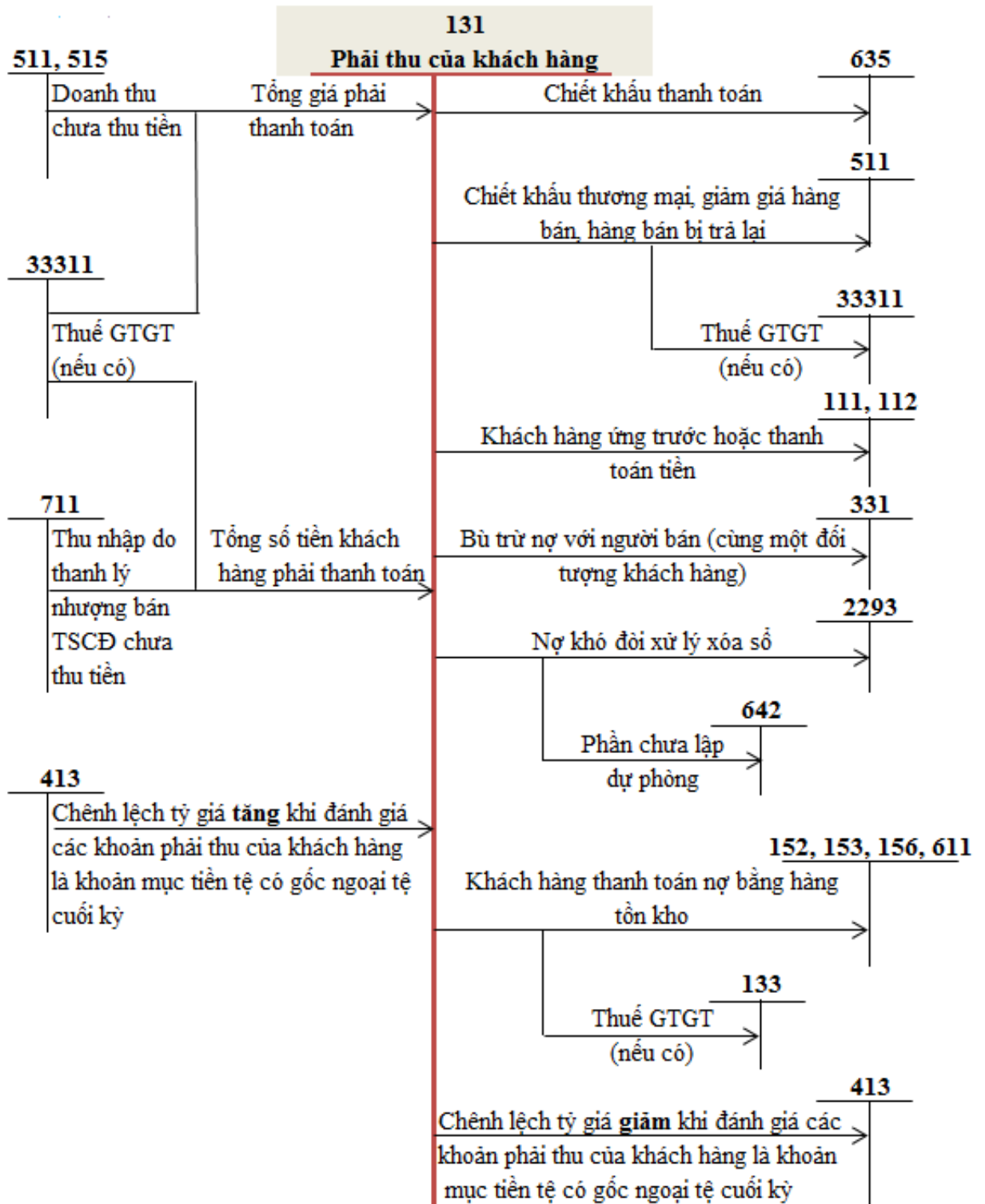
Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT 200/2014/TT-BTC

1.3 Nội dung kế toán thanh toán với người bán.

1.3.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán.

- Kế toán thanh toán với người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư hàng hóa, người bán TSCĐ, người cung cấp dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết. Tài khoản này cũng được sử dụng để phản ánh tình hình về thanh toán các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp. Không được phản ánh vào tài khoản các nghiệp vụ trả tiền ngay.

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có

giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

- Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

- Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người bán.

❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng.

Hợp đồng kinh tế

Hóa đơn GTGT (do bên bán lập)

Bảng báo giá, Phiếu yêu cầu mua hàng

Biên bản kiểm tra chất lượng, Biên bản kiểm nghiệm vật tư, Giấy tờ xuất xứ, Biên bản giao hàng.

Phiếu nhập kho, Phiếu Chi, Ủy Nhiệm Chi, Giấy báo nợ .

Sổ nhật ký chung

Sổ chi tiết TK 331 của từng khách hàng

Sổ tổng hợp TK 331

Sổ cái 331

Biên bản đối chiếu công nợ.

❖ Tài khoản sử dụng.

TK 331: phải trả cho người bán

Kết cấu TK 331: Phải trả người bán:

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp; - Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao. - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng; - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán; - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam). 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp. - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
<p>Số dư bên nợ (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Số tiền đã ứng trước cho người bán, hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. 	<p>Số dư bên có</p> <ul style="list-style-type: none"> -Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

1.3.3 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.

1. Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

a) Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

2. Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

a) Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

3. Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XD CB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XD CB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

4. Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341, ...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XD CB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XD CB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

5. Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

6. Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

7. Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

8. Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611, ...

9. Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

10. Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công

trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

11. Trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng.

- Khi nhận hàng bán đại lý, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, ... (tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (giá giao bán đại lý + thuế).

Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã xuất bán trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

- Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)

Có các TK 111, 112, ...

12. Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu:

- Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC... căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112, ...

- Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do bên nhận uỷ thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường.

- Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112, ...

- Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 156, 211, ...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán(chi tiết từng đơn vị nhận uỷ thác).

- Việc thanh toán nghĩa vụ thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của TK 333 - Thuế và khoản phải nộp Nhà nước.

- Đơn vị nhận uỷ thác không sử dụng tài khoản này để phản ánh các nghiệp vụ thanh toán uỷ thác mà phản ánh qua các TK 138 và 338.

13. Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

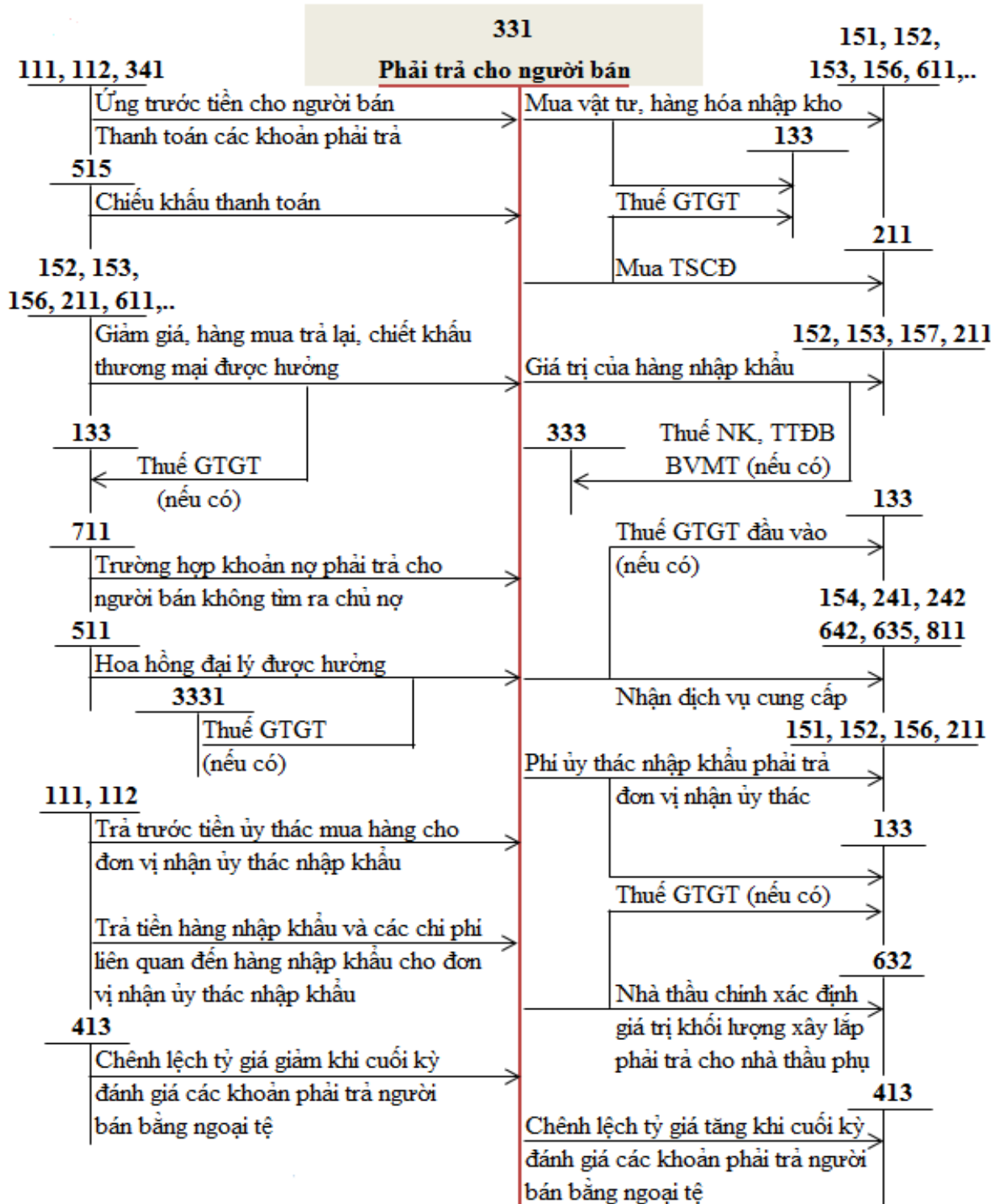
Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN



Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo TT 200/2014/TT-BTC

1.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán

Theo Quy định của Nhà nước: Tất cả các biểu mẫu sổ kế toán (kể cả các loại Sổ cái, Sổ Nhật ký) đều thuộc loại hướng dẫn (không bắt buộc). Doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán. Doanh nghiệp được tự thiết kế biểu mẫu sổ, thẻ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý nhưng phải đảm bảo trình bày thông tin rõ ràng, đầy đủ, dễ kiểm tra, kiểm soát.

- Các hình thức kế toán :

- + Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- + Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.
- + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- + Hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ.
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.4.1. Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung.

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, đặc biệt là Nhật ký chung theo thời gian phát sinh của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Các loại sổ sách chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt.
- + Sổ cái, Sổ Chi tiết.
- + Thẻ Kế Toán.

- Trình tự ghi sổ kế toán

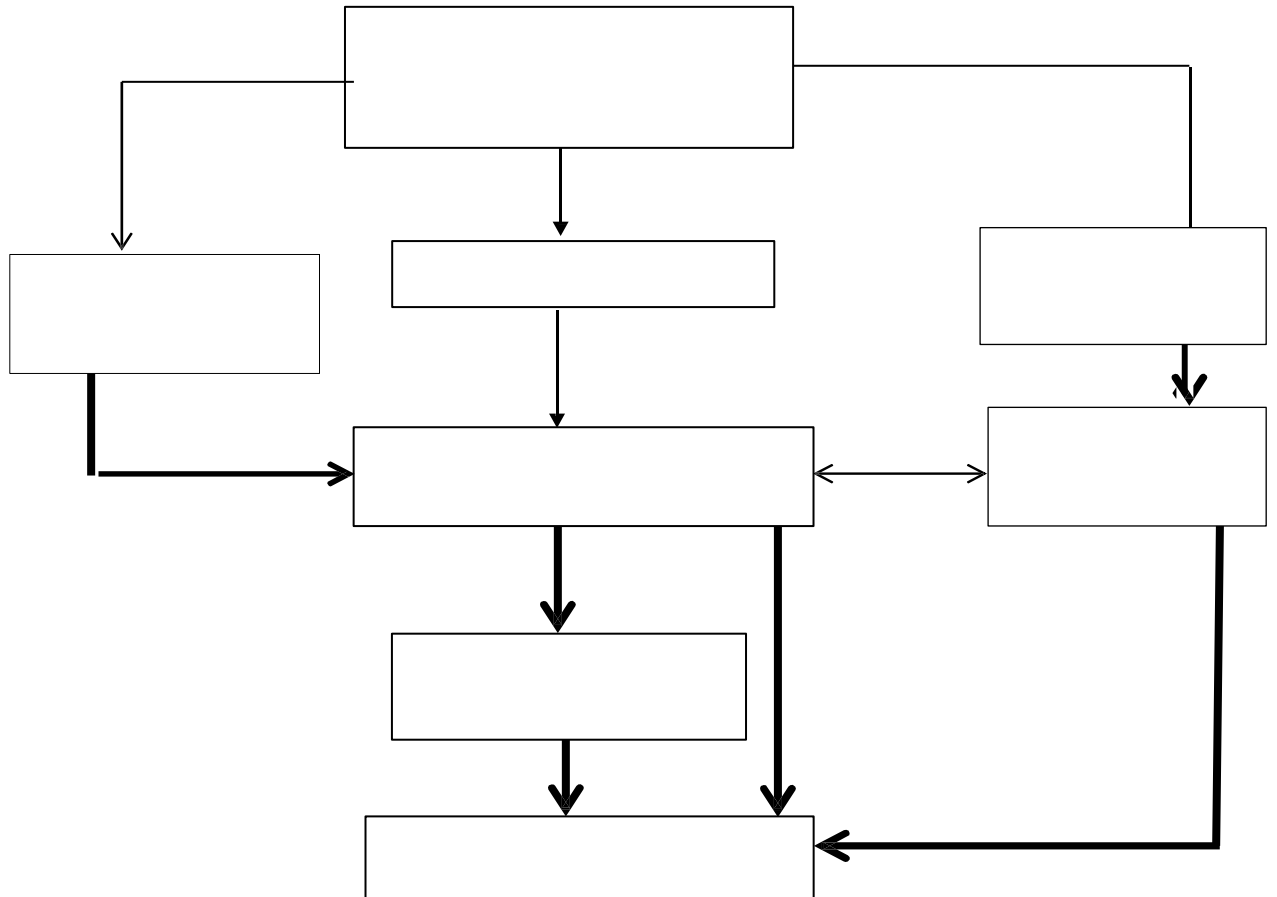
- Hàng ngày:

+ Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm ghi sổ, các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó dựa vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ kế toán có liên quan.

+ Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt có liên quan. Định kỳ (3, 5, 10,... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, đồng thời ghi vào sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:

+ Cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.



Ghi chú:

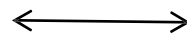
Ghi hàng ngày:



Ghi định kỳ:



Đối chiếu



Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung.

1.4.2. Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái :

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Đặc điểm của hình thức kế toán này là:

– Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi trên 1 sổ kế toán là sổ Nhật ký – Sổ Cái theo trình tự thời gian.

– Căn cứ để ghi sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

* Hàng ngày

Hàng ngày, kế toán ghi sổ Nhật ký – Sổ Cái. Để ghi sổ này kế toán cần xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có dựa vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và Sổ Cái.

Sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

* Cuối kỳ

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu để tính tổng số phát sinh đến cuối kỳ. Căn cứ để tổng hợp là cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, Có của từng tài khoản phần Sổ Cái.

Sau đó tính số dư cuối kỳ của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái thông qua số dư đầu kỳ và số phát sinh trong kỳ.

* Kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối kỳ trong Sổ Nhật ký – Sổ Cái

Theo nguyên tắc:

Tổng số phát sinh ở Sổ Nhật ký = Tổng số phát sinh Nợ của tất cả các tài khoản = Tổng số phát Có của tất cả các tài khoản

Tổng số dư Nợ của các Tài khoản = Tổng số dư Có của các tài khoản

Nếu sau khi lập Sổ Nhật ký – Sổ Cái mà số liệu không thỏa mãn các điều kiện trên thì chắc chắn bạn đã có nhầm lẫn trong quá trình ghi sổ.

- Ưu điểm

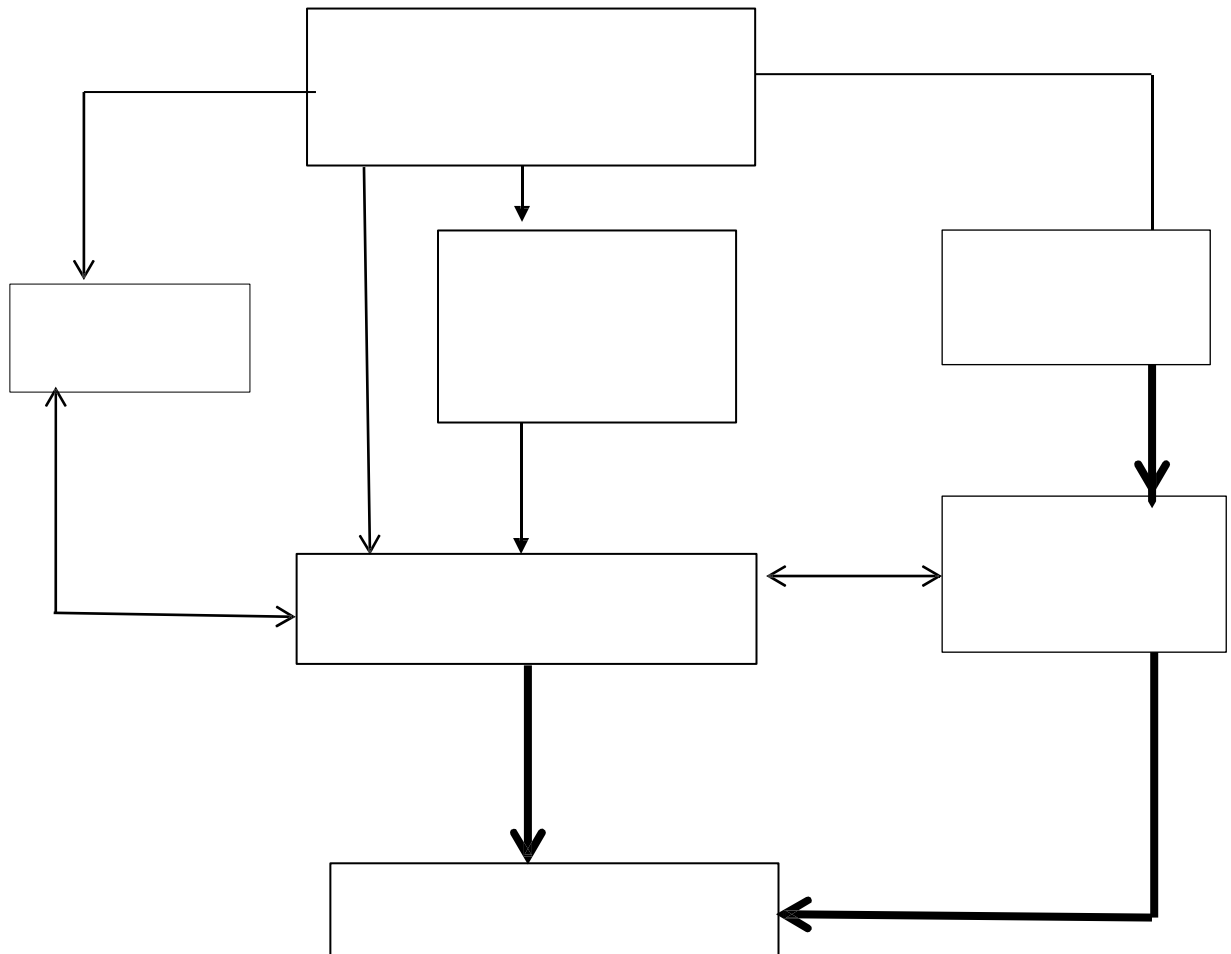
Hình thức kế toán này có các ưu điểm sau:

Sinh viên: Nguyễn Đức Phương-QT2101K

- Sổ kế toán gọn nhẹ, tất cả các nghiệp vụ kế toán phát sinh đều phản ánh trên sổ Nhật ký – Sổ cái.
- Không có hiện tượng ghi trùng lặp các nghiệp vụ.
- Dễ kiểm tra, đối chiếu nếu xảy ra sai sót.
 - Nhược điểm

Hình thức kế toán này có các nhược điểm sau đây:

- Khó phân công lao động kế toán do chỉ có 1 sổ Nhật ký – Sổ cái.
- Việc ghi sổ cái mất nhiều thời gian.



Ghi chú:

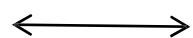
Ghi hàng ngày:



Ghi định kỳ:



Đối chiếu:



Sơ đồ 1.4: trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái:

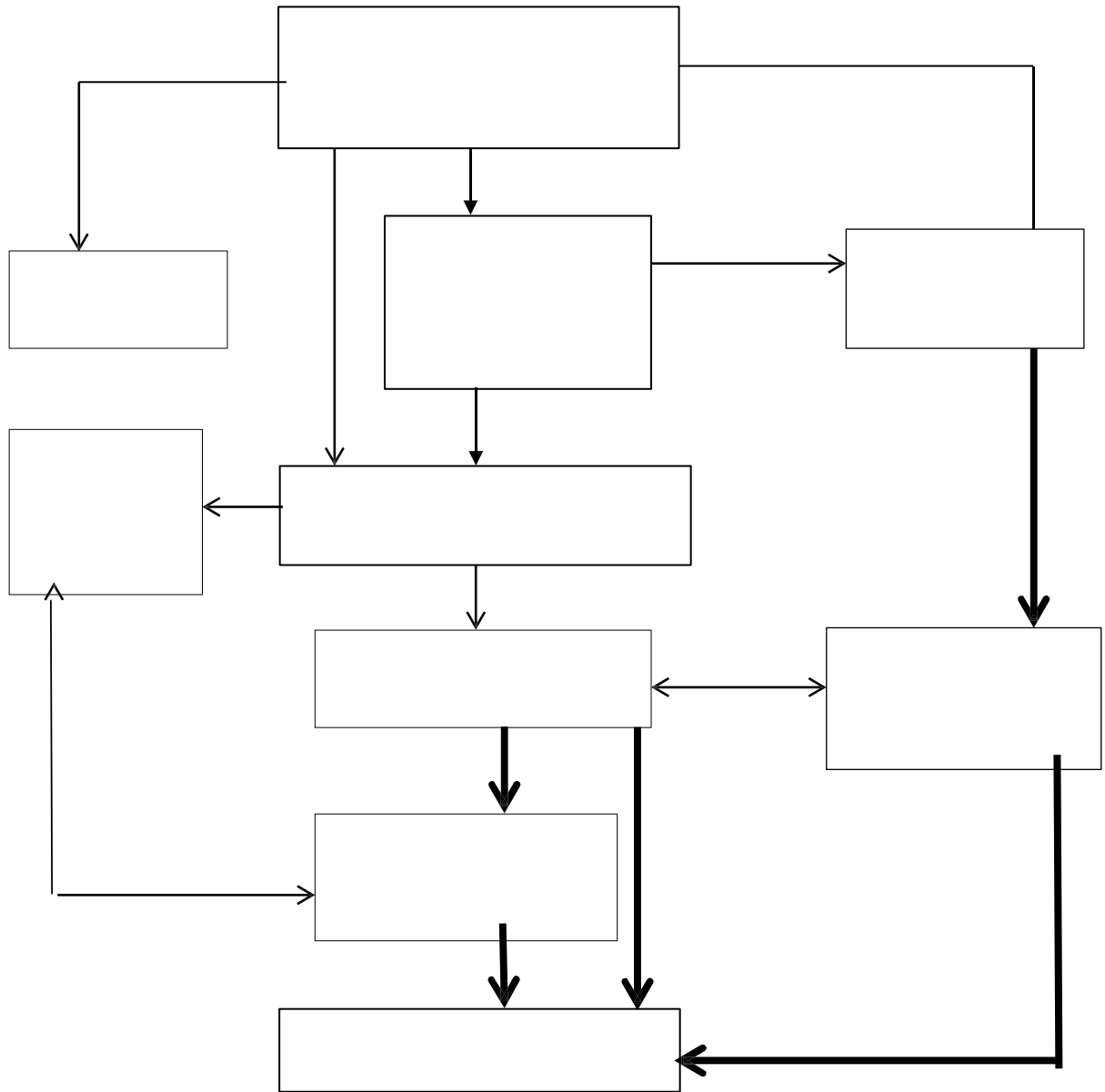
1.4.3. Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:
 - + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.
 - + Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
 - + Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.
- Sổ kế toán:
 - Chứng từ ghi sổ;
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - Sổ cái;
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;
- Ưu điểm
 - Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế

Nhược điểm

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.

Việc thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

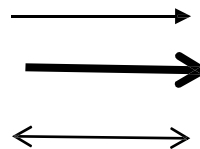


Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi định kỳ:

Đối chiếu:



Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi

tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số nợ của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

- Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.4.4.Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký-Chứng từ :

- Khi sử dụng hình thức kế toán nhật ký - chứng từ , kế toán sẽ tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Các loại giấy tờ liên quan đến hình thức Nhật ký-Chứng từ :

- Nhật ký chứng từ. học xuất nhập khẩu ở đâu tốt
- Bảng kê.
- Sổ Cái.
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ :

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

- Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại

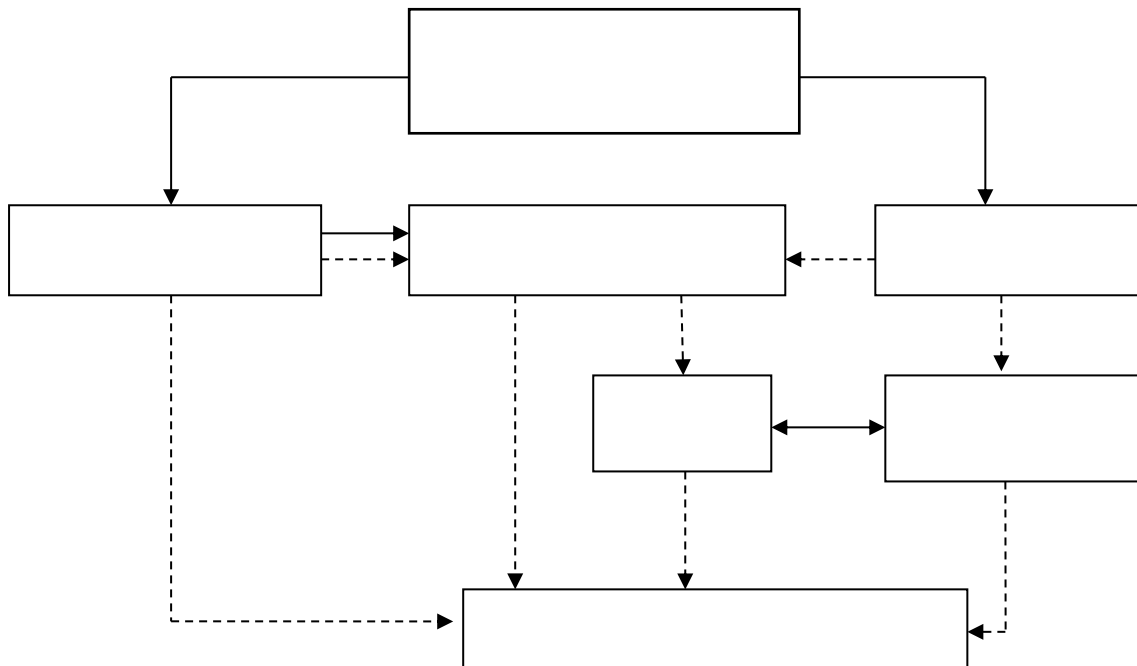
trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

- Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

- Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

- Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày : —————>
- Ghi cuối tháng : - - - - ->
- Đối chiếu, kiểm tra : <----->

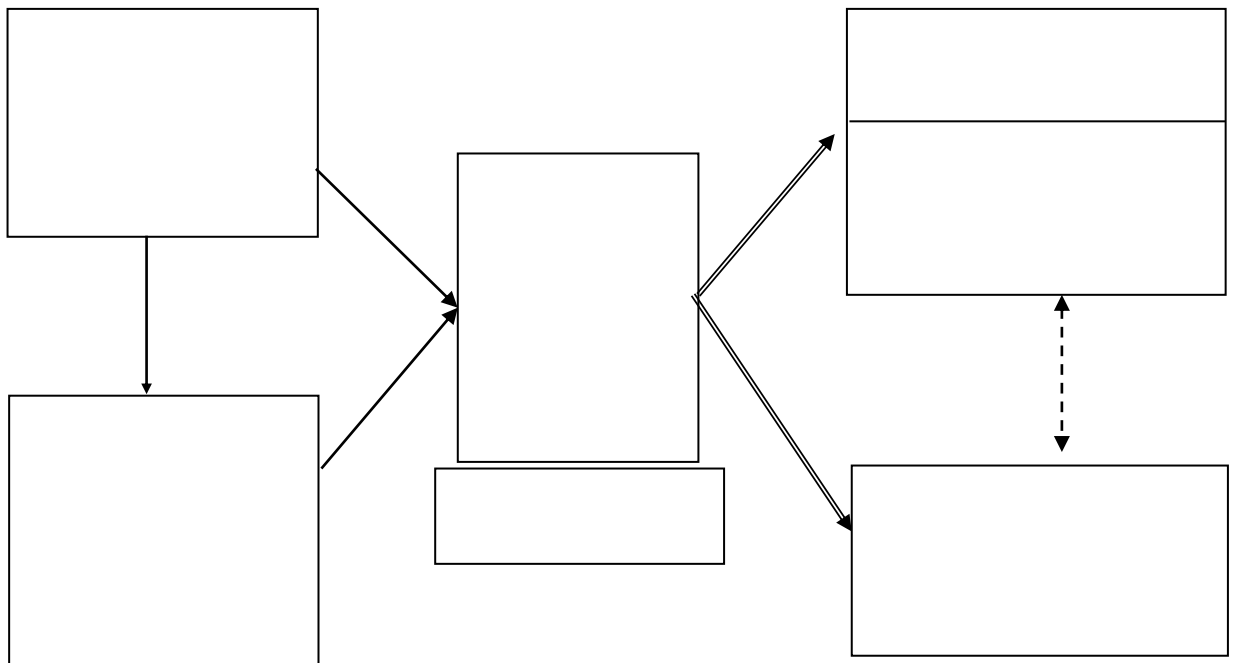
Sơ đồ 1.5 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ

1.4.5. Đặc điểm hình thức kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

- Kế toán trên máy tính là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống thông tin kế toán, dùng máy tính để hỗ trợ, thay thế 1 phần công việc của người làm kế toán tài chính trong doanh nghiệp.

- Đặc trưng cơ bản của hình thức này là việc thực hiện những bút toán, hạch toán các nghiệp vụ, các công việc của kế toán nói chung được thực hiện bằng chương trình phần mềm kế toán trên máy tính. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể sử dụng các chương trình phần mềm kế toán khác nhau về tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật hay điều kiện áp dụng.



Ghi chú :

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra <----->

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

Ưu điểm:

- Tốc độ nhập dữ liệu vào máy tính thực hiện nhanh hơn rất nhiều hơn so với phương pháp kế toán thủ công.
- Xử lý dữ liệu nhanh chóng và chính xác.
- Thông tin dữ liệu khi cần thiết sẽ có ngay lập tức và có thể được gửi cho nhiều người sử dụng khác nhau tại các địa điểm khác nhau cùng một lúc.
- Sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên và thời gian, dòng tiền sẽ được cải thiện thông qua thu nợ tốt hơn và kiểm soát hàng tồn kho.
- Tiết kiệm chi phí: phần mềm kế toán trên máy vi tính giảm thời gian nhân viên làm tài khoản và giảm chi phí kiểm toán như hồ sơ gọn gàng, lên nhật và chính xác.
- Khả năng để đối phó trong nhiều loại tiền tệ một cách dễ dàng – nhiều phần mềm kế toán trên máy vi tính cho phép một doanh nghiệp để kinh doanh nhiều loại tiền tệ một cách dễ dàng. Vấn đề liên quan với những thay đổi tỷ giá hối đoái được giảm thiểu.
- Bạn đang xem: Hình thức kế toán trên máy vi tính là gì? Ưu và nhược điểm hình thức kế toán trên máy vi tính?
- Nhược điểm:
 - Chỉ làm 1 người trên 1 file tại 1 thời điểm.
 - Chỉ đáp ứng về mặt sổ sách thông thường, các phân tích thống kê mang tính quản trị là rất khó
 - Chi phí vận hành cho hệ thống ngày càng trở nên lớn hơn. Ngoài việc hàng năm cần phải trả tiền bảo trì, bảo dưỡng, còn cần phải thuê thêm 1 chuyên gia CNTT vì nhiều công việc kỹ thuật của hệ thống không phải lúc nào cũng được công ty CNTT thực hiện một cách nhanh chóng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BẢO HƯNG LONG

2.1 Khái quát chung về Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BẢO HƯNG LONG
Mã số thuế: 0200875457

Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động (đã được cấp GCN ĐKT)

Nơi đăng ký quản lý: Chi cục Thuế Khu vực Hồng Bàng-An Dương

Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng.

Đại diện pháp luật: Phạm Đăng Hạnh

Ngày cấp giấy phép: 14/02/2009

Ngày bắt đầu hoạt động: 15/02/2009

Ngày nhận TK: 15/02/2009

Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Hưng Long là doanh nghiệp chuyên kinh doanh bán lẻ, thương mại các sản phẩm từ xăng, dầu, nhiên liệu hóa lỏng theo quy định của Nhà nước Việt Nam .

Qua 12 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Hưng Long tự hào là đơn vị bán lẻ xăng dầu uy tín trong khu vực Thành phố Hải Phòng và toàn khu vực Miền Bắc .

Ngày nay, Công ty đã có những bước phát triển không ngừng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng sản phẩm, cơ sở hạ tầng, hệ thống đại lý để nhằm mục đích đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu trong khu vực. Để nâng cao vị thế phân phối của Công ty đối với thị trường trong nước .

2.1.2. Chức năng ngành nghề kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long

- *Ngành nghề kinh doanh tại công ty :*

+ Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

- *Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Công ty :*

+ Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Hưng Long là bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Cụ thể, bán xăng dầu tại cửa hàng và phân phối cho khách hàng theo hình thức bơm tại cột xăng, dầu. Bên cạnh các mặt hàng như xăng, dầu Công ty còn kinh doanh mặt hàng như Nhớt bảo dưỡng, sản phẩm hóa dầu, dầu mỡ nhờn, khí hóa lỏng .

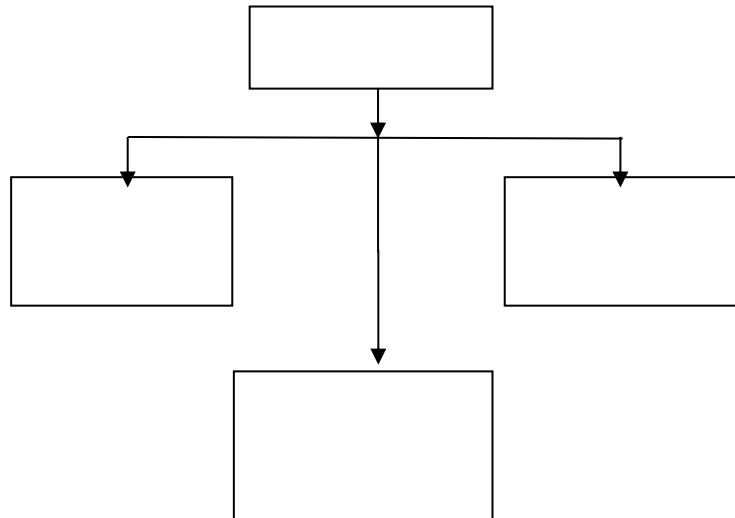
+ Kinh doanh là một ngành kinh doanh đặc biệt, sản phẩm của quá trình khai thác mỏ dầu khí là dầu thô, khí hóa lỏng. Sau đó sẽ chế biến thành thành phẩm như xăng , dầu thành phẩm và các loại khí dùng cho hoạt động sản xuất công nghiệp.

+ Công ty quản lý quá trình hoạt động theo nhiều khâu khác nhau như bán buôn, bán lẻ nhiên liệu động cơ như : Xăng E5-II, Xăng Ron 95-II, Dầu Diesel 0.05S-II,.... Cùng với đó là những công việc bố trí phương tiện vận tải để vận chuyển hàng hóa từ kho bãi về đến kho của Công Ty

+ Sản phẩm từ xăng dầu là sản phẩm mang tính thiết yếu đối với xã hội. Điều kiện để kinh doanh lĩnh vực xăng dầu cũng khá nghiêm ngặt. Vì thế về chất lượng sản phẩm cũng như tiêu chuẩn hàng hóa đều phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn của Nhà nước, Bộ Công thương đưa ra.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công Ty Cổ Phần thương Mại Bảo Hưng Long

- *Cơ cấu tổ chức của Công Ty Cổ phần thương Mại Bảo Hưng Long:*



Ghi chú: Mỗi quan hệ chỉ huy: \longrightarrow

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy của Công ty

- Chức năng, nhiệm vụ các phòng của Công Ty Cổ phần Thương Mại Bảo Hưng Long

Giám đốc:

Chức năng: Giám đốc công ty là người quản lý, dẫn dắt, giám sát công ty. Giám đốc là chức vụ cao nhất trong công ty, chịu trách nhiệm cao nhất với những hoạt động kinh doanh, pháp lý, quan hệ đối tác, tài chính và đường lối phát triển của công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm truyền đạt, hướng dẫn chính sách của công ty cho những chức vụ phó giám đốc và trưởng các phòng ban.

Phòng tài chính kế toán :

Chức năng: là phòng đảm nhiệm vai trò thống kê, hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty. Phòng tài chính kế toán có trách nhiệm lên kế hoạch dòng tiền cho công ty, có phương án kịp thời để đảm bảo được dòng tiền cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chức năng của phòng tài chính là lập và hoàn thiện báo cáo tài tính, báo cáo quản trị để phục vụ các đơn vị như cơ quan thuế, cục thống kê, nhà đầu tư, ...

Nhiệm vụ:

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị một cách kịp thời, đầy đủ đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh. Cụ thể (đối với từng loại

hình doanh nghiệp lại có các phân hành kế toán khác nhau), nhìn chung là có các nghiệp vụ liên quan đến:

- + Thực hiện kế toán vốn bằng tiền.
- + Thực hiện kế toán tài sản cố định, công cụ dụng cụ...
- + Thực hiện kế toán công nợ.
- + Thực hiện kế toán doanh thu
- + Thực hiện kế toán chi phí
- + Thực hiện kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.
- + Thực hiện kế toán hoạt động khác.
- Chủ trì và phối hợp với các phòng có liên quan để lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty. Thực hiện kịp thời, đầy đủ công tác thống kê, kế hoạch tài chính theo quy định của công ty
- Thực hiện, tham gia thực hiện và trực tiếp quản lý công tác đầu tư tài chính, cho vay tại đơn vị .
- Tham mưu cho Lãnh đạo đơn vị về việc chỉ đạo thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính - kế toán của Nhà nước và của nội bộ công ty:
 - + Tham mưu, lập kế hoạch và kiểm tra kế hoạch chi tiêu đảm bảo đúng các quy định về định mức chi tiêu của Nhà nước và của Công ty để hoạt động kinh doanh được hiệu quả.
 - + Xây dựng các quy định nội bộ về quản lý tài chính: quy trình thu, chi kinh doanh; quản lý tiền vốn, công nợ; Các loại định mức như (định mức hàng tồn kho, tiền lương)... áp dụng trong đơn vị và kiểm tra việc chấp hành các quy định nội bộ này.
 - + Nghiên cứu và đề xuất với Lãnh đạo đơn vị các biện pháp quản lý hoạt động kinh doanh đảm bảo chấp hành tốt đúng chế độ hiện hành và phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh doanh của đơn vị để đạt hiệu quả cao nhất.

Phòng hành chính nhân sự :

Chức năng: là phòng đảm nhận xây dựng, cơ cấu tổ chức nhân sự cho doanh nghiệp. Đảm nhiệm vai trò lên kế hoạch nhân sự, tuyển dụng nhân sự, đáp ứng kịp thời nguồn nhân lực cho công ty (tránh tình trạng thiếu hụt nhân sự trong bộ máy công ty). Xây dựng KPI cho phòng nhân sự dựa theo chiến lược của công ty, quản lý việc liên quan đến BHXH, BHYT, BHTN của nhân sự trong công ty .

Nhiệm vụ:

- Hoạch định nguồn nhân lực , chiến lược chính sách nhân sự, theo dõi đánh giá, thống kê và dự báo nhu cầu nhân lực trong tương lai của công ty.

- Tuyển dụng, sàng lọc hồ sơ và xử lý hồ sơ ứng cử viên .Tiến hành phỏng vấn ,đánh giá và cho nhân viên mới ký hợp đồng với công ty .Đăng ký lao động theo quy định của pháp luật và các cơ quan chức năng .

- Đánh giá thành tích CBNV , chấm công nhân viên , xây dựng các bảng biểu quy mẫu chấm công nhân viên ,chỉ tiêu đánh giá nhân viên . Phối hợp với các phòng ban điều chỉnh,bổ sung các chế độ phù hợp cho từng giai đoạn, thời điểm .

- Xây dựng và quản trị chế độ chính sách tiền lương,tiền thưởng, BHXH, BHYT, BHTN. Soạn thảo, tham gia triển khai các văn bản hướng dẫn liên quan đến việc quản lý lao động, tiền lương. Hoàn thiện hồ sơ để mua BHXH, BHYT, BHTN cho công nhân viên .

- Giải quyết những vấn đề liên quan đến tranh chấp lao động, những trường hợp xin nghỉ việc, những lao động vi phạm quy chế tại công ty. Giải đáp các thắc mắc, khiếu nại của nhân viên ,tuyên truyền và thông báo các quyền lợi và nghĩa vụ của công nhân viên nắm bắt một cách rõ ràng .

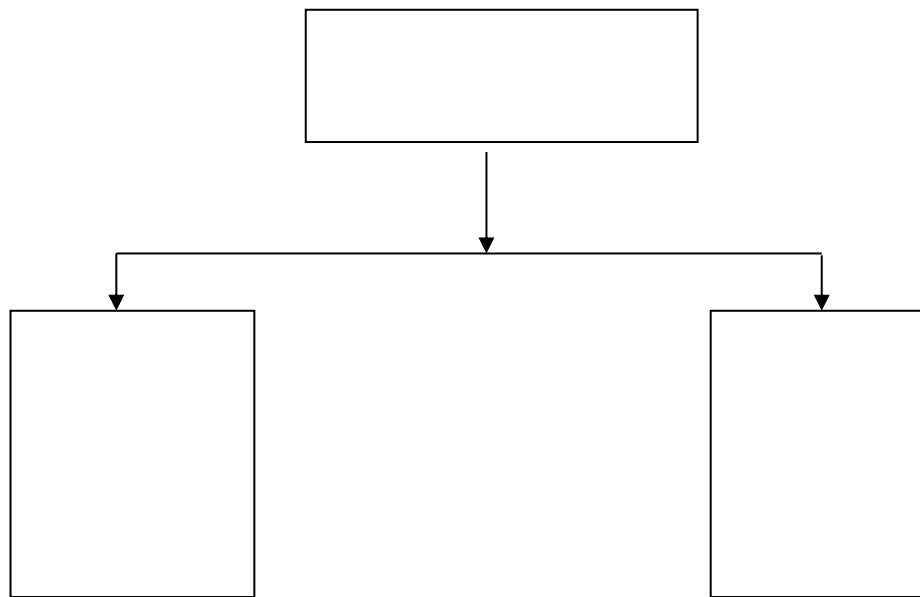
Bộ phận bán hàng và vận chuyển hàng hóa :

- Bộ phận bán hàng là bộ phận trực thuộc trong bộ máy của công ty, đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển hệ thống khách hàng . Bộ phận bán hàng có nhiệm vụ công tác tại những cửa hàng , đại lý của công ty để phục vụ

khách hàng khi khách đến mua hàng . Bên cạnh đó bộ phận bán hàng còn có nhiệm vụ đi tiếp cận, mở rộng thị trường và tìm kiếm những khách hàng tiềm năng.

- Bộ phận vận chuyển hàng hóa là bộ phận trực thuộc bộ máy công ty, có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa từ kho chứa về các cửa hàng, đại lý của công ty đúng thời điểm .

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công Ty Cổ Phần thương Mại Bảo Hưng Long



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

- Chức năng, nhiệm vụ các cơ cấu tổ chức của Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long

Kế toán trưởng kiêm KT tổng hợp:

- Là người giữ vị trí quản lý cấp cao, Kế toán trưởng là một trong các quản lý cao đưa ra các khuyến nghị cho các nhà quản lý trong việc tăng lợi nhuận và cắt giảm chi phí .Kế toán trưởng chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các kế toán viên trong bộ phận kế toán. Họ cần đảm bảo rằng mọi cá nhân trực thuộc sẽ thay đổi phù hợp với nhu cầu thị trường và tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo. Kế toán trưởng cũng là người hướng dẫn cho nhân viên mới các quy trình làm việc và các quy định công thức kế toán của công ty.

- Giám sát việc quyết toán các khoản thu chi, tổ chức kiểm kê tài sản,

dòng tiền của doanh nghiệp vào cuối năm tài chính. Kế toán trưởng cũng là người thực hiện trình bày kết quả với ban điều hành và đôi khi là với các bên liên quan nếu có.

- Kế toán trưởng tham gia vào việc lập các báo cáo tài chính vào thời gian quy định và trình bày báo cáo với những lãnh đạo cấp cao, đảm bảo được tính chính xác, kịp thời, hợp pháp trong các tài liệu, sổ sách kế toán, các giấy thanh toán, báo cáo tài chính, bảng kê, bảng cân đối kế toán, bảo hiểm, công nợ với ngân hàng, khách hàng cũng như chủ đầu tư. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm với kiểm toán viên về các sổ sách tài liệu của doanh nghiệp.

- Tham gia phân tích và dự báo để đưa ra kế hoạch về nguồn tài chính, đưa ra các kiến nghị trong việc thu hút nguồn tài chính cho doanh nghiệp nhằm duy trì ngân sách; hỗ trợ ban lãnh đạo trong việc xử lý các rủi ro, sai phạm và vi phạm tài chính hoặc pháp luật.

Kế toán tiền lương và các khoản bảo hiểm, doanh thu, công nợ:

- Thực hiện công việc ghi chép, tổng hợp và phản ánh kịp thời, đầy đủ các số liệu về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian kết quả lao động.

- Thực hiện tính lương và các khoản trích theo lương như chế độ bảo hiểm, kinh phí công đoàn...; các khoản phụ cấp phải trả cho NLĐ đảm bảo tính đúng theo các chính sách chế độ lao động hiện hành; sau đó phân bổ kịp thời và chính xác chi phí lao động đã được phân chia đến từng đối tượng sử dụng lao động để tiến hành phát lương cho NLĐ.

- Thực hiện hướng dẫn, giám sát, kiểm tra các nhân viên hạch toán kế toán tại các bộ phận sản xuất kinh doanh, các phòng ban có liên quan về tình hình chấp hành các chính sách về chế độ tiền lương lao động, chế độ bảo hiểm, kinh phí công đoàn và các khoản phí có liên quan khác theo quy định. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng quỹ tiền lương. Báo cáo kịp thời cho cấp trên để có hướng giải quyết khi gặp sự cố.

- Theo dõi tình hình trả - tạm ứng tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp, trợ cấp cho NLĐ.

- Tiến hành phân tích tình hình sử dụng quỹ lương, quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn nhằm phát hiện sai phạm, kiểm soát dòng tiền; đồng thời đề xuất biện pháp tiết kiệm quỹ lương, tổng hợp các số liệu cung cấp cho kế toán tổng hợp và các bộ phận quản lý khác.

- Lập các báo cáo về lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương theo định kỳ.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ thanh toán phát sinh theo từng đối tượng, từng khoản thanh toán có kết hợp với thời hạn thanh toán, đơn đốc việc thanh toán, tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.

- Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua, bán thường xuyên hoặc có dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán, kế toán cần tiến hành kiểm tra đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ. Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận số nợ bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán

- Tổng hợp và cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý (nợ trong hạn, nợ quá hạn, các đối tượng có vấn đề...)

Thủ quỹ:

- Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt ; quản lý chìa khoá két sắt an toàn
- Quản lý bảo trì, bảo dưỡng và các vấn đề có thể liên quan tới két sắt.
- Phân loại và kiểm tra chất lượng tiền mặt, phát hiện tiền giả và báo cáo để giải quyết vấn đề về tiền giả.

- Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của doanh nghiệp.

- Thực hiện kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.

- Thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp.

- Lưu trữ chứng từ thu chi tiền.

- Làm việc với kế toán tổng hợp về số dư tồn quỹ nhằm phục vụ các mục tiêu kinh doanh hay đảm bảo việc chi trả lương, BH, phúc lợi khác cho nhân viên.

- Thực hiện các báo cáo định kỳ cho doanh nghiệp về quỹ tiền của doanh nghiệp và trình lên cấp trên.

- Thực hiện các công việc khác do Kế toán trưởng và Giám đốc giao.

2.1.5 Hình thức kế toán, chế độ, chính sách kế toán áp dụng tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long .

✓ Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật kí chung

- Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ theo đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cả kì
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

- Niên độ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hằng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng (VNĐ).

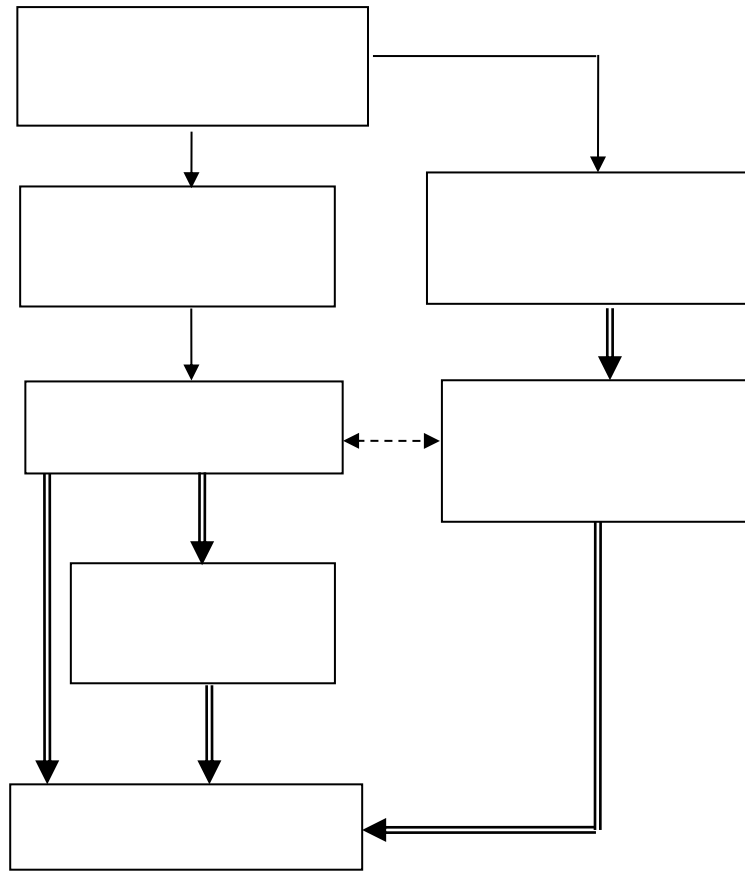
❖ Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật Ký Chung

Đặc trưng có bản của hình thức kế toán Nhật kí chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật kí mà trọng tâm là sổ Nhật Kí Chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật kí để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái
- Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 2.3 :Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức NKC

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long:

Phương thức thanh toán :

+ Thanh toán ngay: là hình thức thanh toán mà công ty áp dụng sau khi người bán chuyển giao quyền kiểm soát tài sản cho người mua .Người mua có nghĩa vụ thanh toán ngay cho người bán bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt tùy theo thỏa thuận.

Đối tượng áp dụng: Thông thường là những đối tượng khách hàng giao dịch, mua bán nhỏ lẻ, giá trị hàng hóa thấp và mang tính chất đơn giản .

+ Thanh toán chậm: là hình thức thanh toán mà công ty áp dụng sau khi người bán chuyển giao quyền kiểm soát tài sản cho người mua. Người mua có quyền được thanh toán chậm so với thời điểm chuyển giao hàng hóa phụ thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên .

Đối tượng áp dụng: Thông thường là những đối tượng khách hàng có giao dịch giá trị lớn, thường là đơn vị doanh nghiệp hoặc có thể là hộ cá thể kinh doanh .

Hình thức thanh toán :

+ Thanh toán bằng tiền mặt: là hình thức thanh toán công ty sử dụng tiền mặt để trực tiếp chi trả hoặc thực hiện các nghĩa vụ trả tiền khác trong các giao dịch thanh toán.

+ Thanh toán bằng chuyển khoản : Là hình thức thanh toán công ty cho phép người mua thanh toán bằng thẻ ATM nội địa hoặc chuyển khoản trực tiếp tại ngân hàng.

+ Các khoản thanh toán cho giá trị hàng hóa lớn hơn 20 triệu đồng thì bên mua phải thanh toán bằng chuyển khoản cho bên bán. Trong trường hợp bên mua thanh toán cho bên bán bằng tiền mặt thì sẽ không được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ

+ Các khoản thanh toán cho giá trị hàng hóa dưới 20 triệu đồng thì bên mua có thể thanh toán cho bên bán theo hai hình thức : tiền mặt hoặc chuyển khoản tùy thuộc vào bên mua . Cả hai hình thức thanh toán đều được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ .

2.2.2 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.

❖ Chứng từ sử dụng :

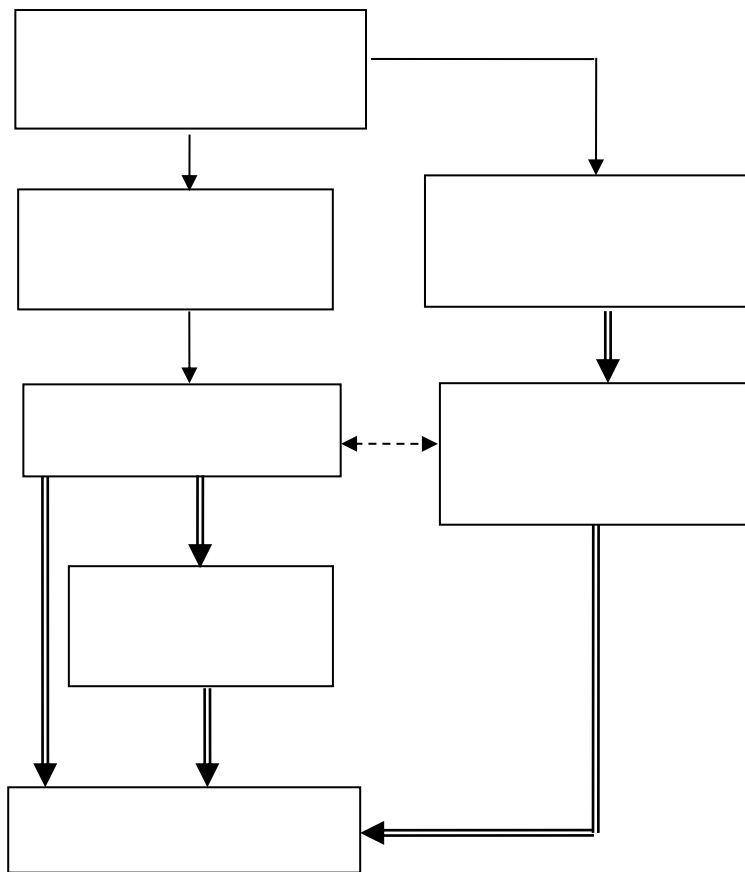
- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có
- Phiếu thu

❖ Tài khoản sử dụng:

+ TK 131 - phải thu của khách hàng

- + TK 511 : Doanh thu
- + TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra
- + TK 1111 : Tiền mặt
- + TK 1121 : Tiền gửi ngân hàng

Sổ sách sử dụng: sổ Nhật kí chung, sổ cái TK 131, sổ chi tiết phải thu của khách hàng, bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.



Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —→

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: ==→

Quan hệ đối chiếu: <-.->

Bộ phận kế toán công ty hàng ngày căn cứ vào chứng từ , sổ sách nội bộ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh để nhập liệu vào sổ nhật ký chung, dựa vào dữ liệu sổ nhật ký chung , kế toán lấy căn cứ để ghi vào sổ cái TK 131,TK 511,TK

333,... , đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131- phải thu khách hàng. Từ sổ chi tiết phải thu của khách hàng kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Cuối kỳ cộng tất cả số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã khớp số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp ta tiến hành lập báo cáo tài chính .

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2020 , Công Ty bán Dầu Diesel 0.05S-II cho Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh , số tiền chưa thuế là 91.058.520 đ , thuế GTGT đầu ra 9.105.852 đ, khách hàng chưa thanh toán .

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00002044 (**Biểu số: 2.1**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.5**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết 131 (**Biểu số: 2.7**), căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.5**) kế toán ghi vào sổ cái TK 511, sổ cái TK 3331, sổ cái TK 131.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết 131 (**Biểu số: 2.7**) lập Bảng tổng hợp phải thu khách hàng (**Biểu số: 2.9**) .

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT số 00002044

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/20P		
Ngày 01 tháng 12 năm 2020			Số: 00002044		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BẢO HƯNG LONG Mã số thuế: 0200875457 Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng. Điện thoại: 0225.3.838.344					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Việt Hưng Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh Địa chỉ: Số 12, phường Phù Liễn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng. Mã số thuế: 0201758921 Hình thức thanh toán: CK Số TK: 1500 201068870 NHNN phát triển nông thôn VN					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Dầu Diesel 0.05S-II	Lít	7563	12.040	91.058.520
Cộng tiền hàng:					91.058.520
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		9.105.852
Tổng cộng tiền thanh toán:					100.164.372
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (Ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, họ tên)	

Ví dụ 1.1: Ngày 20/12/2020 , Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh thanh toán tiền mua Dầu Diesel ngày 01/12/2020 , hình thức thanh toán chuyển khoản .Số tiền thanh toán :100.164.372 đ.

Căn cứ vào giấy báo có số 927(**Biểu số: 2.2**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.5**) đồng thời ghi vào sổ chi tiết 131 (**Biểu số: 2.7**), căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.5**) kế toán ghi vào sổ cái TK 131, sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết 131 (**Biểu số: 2.7**) lập Bảng tổng hợp phải thu khách hàng (**Biểu số: 2.9**)

Biểu số 2.2 : Giấy báo có số 927



GIẤY BÁO CÓ

Số CT100CTV1191570927

Ngày GD : 20/12/2020

Ngân hàng TMCP XANG DAU PETROLIMEX - HO

Mã số thuê : 1400116233-011

Địa chỉ : TMCP xăng dầu Petrolimex - PGbank Quang Trung chi nhánh HP

Mã khách hàng : 000377819

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long

Địa chỉ : Số 104 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng.

Số tài khoản: 2077040286469

Người chuyển tiền : Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh

Ngân hàng chuyển : NN và PT nông thôn Việt Nam- chi nhánh Kiến An

Số tiền ghi có : 100.164.372

Số tiền bằng chữ : Một trăm triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng.

Nội dung : Thanh toán tiền Dầu Diesel cho Công ty CPTM Bảo Hưng Long theo hóa đơn 00002044

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ví dụ 2 : Ngày 02/12/2020 ,Công ty bán Xăng E5 RON 92-II cho Công Ty TNHH Tân Tiến, khách hàng chưa thanh toán , số tiền hàng là 98.505.200 đ, thuế GTGT đầu ra : 9.850.520 đ.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00002056 (**Biểu số: 2.3**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.5**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết 131 (**Biểu số: 2.8**) căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.5**) kế toán ghi vào sổ cái TK 511, sổ cái TK 333, sổ cái TK 131.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết 131 (**Biểu số: 2.8**) lập Bảng tổng hợp phải thu khách hàng (**Biểu số: 2.9**)

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 00002056

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/20P		
Ngày 02 tháng 12 năm 2020			Số: 00002056		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BẢO HƯNG LONG Mã số thuế: 0200875457 Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng Điện thoại: 0225.3.838.344					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Tân Tiến Địa chỉ: Số 4/25 Xã Hồng Thái, Thị trấn An Dương, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng . Mã số thuế: 0205696183 Hình thức thanh toán: CK Số TK: 1500201104997 - NH NN và PT nông thôn VN- CNHN					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Xăng E5 RON 92-II	Lít	5534	17.800	98.505.200
Cộng tiền hàng:					98.505.200
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		9.850.520
Tổng cộng tiền thanh toán:					108.355.720
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm lẻ tám triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi đồng.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (Ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, họ tên)	

Ví dụ 2.1 : Ngày 23/12/2020, Công ty TNHH Tân Tiên thanh toán tiền Xăng E5 RON 92-II ngày 02/12/2020 ,hình thức thanh toán bằng chuyển khoản,số tiền thanh toán :108.355.720 đ.

Căn cứ vào giấy báo có 928 (**Biểu số: 2.4**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.5**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết 131 (**Biểu số: 2.8**), căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.5**) kế toán ghi vào sổ cái TK 131, sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết 131 (**Biểu số: 2.8**) lập Bảng tổng hợp phải thu khách hàng (**Biểu số: 2.9**)

Biểu số 2.4 : Giấy báo có số 928



GIẤY BÁO CÓ

Số CT100CTV1191570928

Ngày GD : 23/12/2020

Ngân hàng TMCP XANG DAU PETROLIMEX - HO

Mã số thuế : 1400116233-011

Địa chỉ : TMCP xăng dầu Petrolimex -PG bank Quang Trung chi nhánh HP

Mã khách hàng : 000377819

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long

Địa chỉ : Số 104 đường 5 mới ,Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng.

Số tài khoản: 2077040286469

Người chuyển tiền : Công ty TNHH Tân tiến

Ngân hàng chuyển : NH VIETCOMBANK - TP HCM

Số tiền ghi có : 108.355.720 đ

Số tiền bằng chữ: Một trăm lẻ tám triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi đồng.

Nội dung : Thanh toán tiền Xăng Ron 92-II cho công ty CPTM Bảo Hưng Long theo hóa đơn 00002056

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.5: Sổ Nhật kí chung

Đơn vị: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long
Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, phường Hùng Vương, Quận
 Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
 BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2020

Đơn vị tính: **ĐỒNG**

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
.....
HD 00002044	01/12	Bán Dầu Diesel-0.05S-II cho Công Ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh	131	511 3331	100.164.372	91.058.520 9.105.852
HD 00002056	02/12	Bán Xăng Ron 92-II cho Công ty TNHH Tân tiến	131	511 3331	108.355.720	98.505.200 9.850.520
GBC 927	20/12	Công Ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh thanh toán tiền Dầu Diesel-0.05-II	1121	131	100.164.372	100.164.372
GBC 928	23/12	Công ty TNHH Tân Tiến thanh toán tiền Xăng Ron 92-II	1121	131	108.355.720	108.355.720
GBC 929	23/12	Công Ty TNHH Thương mại và Vận tải Linh Anh Thanh Toán tiền hàng	1121	131	230.456.000	230.456.000
HD 00002077	24/12	Bán Xăng E5 RON 92-II cho Công ty Cổ phần Sản Xuất và Thương mại Hoàng Huy	131	511 3331	168.560.700	153.237.000 15.323.700
HD 00002112	24/12	Bán Nhớt Delo 18L cho Công ty TNHH Hải Long	131	511 3331	16.500.000	15.000.000 1.500.000
HD 00002115	25/12	Bán Dầu Diesel-0.05S-II cho Công Ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại ISJ	131	511 3331	334.235.000	303.850.000 30.385.000
GBC 930	31/12	Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng DHT thanh toán tiền Dầu Diesel	1121	131	201.110.000	201.110.000
.....
		Cộng phát sinh tháng 12			56.880.075.235	56.880.075.235

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.6: Sổ cái TK 131

Đơn vị: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long
Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 12 Năm 2020

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 12		4.215.653.874	
HĐ 00002044	01/12	Bán Dầu Diesel-0.05S-II cho Công Ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh	5111 3331	91.058.520 9.105.852	
HĐ 00002056	02/12	Bán Xăng Ron 92-II cho Công ty TNHH Tân tiến	5111 3331	98.505.200 9.850.520	
GBC 927	20/12	Công Ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh thanh toán tiền Dầu Diesel-0.05-II	1121		100.164.372
GBC 928	23/12	Công ty TNHH Tân Tiến thanh toán tiền Xăng Ron 92-II	1121		108.355.720
HĐ 00002077	24/12	Bán Xăng E5 RON 92-II cho Công ty Cổ phần Sản Xuất và Thương mại Hoàng Huy	511 3331	153.237.000 15.323.700	
	
		Cộng số phát sinh tháng 12		5.465.310.366	3.210.538.927
		Số dư cuối tháng 12		6.470.425.313	

Ngày 31 tháng 12 Năm 2020

Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng 131

Đơn vị: Công ty Cổ phần thương mại Bảo Hưng Long

Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S13 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131- Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh

Từ ngày 01/12/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính : **Đồng**

NT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	TH C/K	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12					1.652.300.442	
01/12	HĐ 00002044	01/12	Bán Dầu Diesel-0.05S-II	5111		91.058.520		1.743.358.962	
				33311		9.105.852		1.752.464.814	
05/12	GBC 918	05/12	Thanh toán Tiền Xăng Ron 95-II (T11)	1121			56.511.000	1.695.953.814	
12/12	HĐ 00002060	12/12	Bán Dầu Diesel-0.05S-II	5111		44.752.000		1.740.705.814	
				33311		4.475.200		1.745.181.014	
17/12	HĐ 00002065	17/12	Tiền hàng Xăng Ron 92-II	5111		95.568.000		1.840.749.014	
				33311		9.556.800		1.850.305.814	
18/12	GBC 919	18/12	Thanh toán Tiền Dầu Diesel (T11)	1121			105.889.000	1.744.416.814	
20/12	GBC 927	20/12	Thanh toán Tiền Dầu Diesel	1121			100.164.372	1.644.252.442	
24/12	HĐ 00002079	24/12	Bán Xăng E5 Ron 92-II	5111		166.450.000		1.810.702.442	
				33311		16.645.000		1.827.347.442	
			Cộng số phát sinh tháng 12			2.242.330.378	1.074.800.988		
			Số dư cuối tháng 12					2.819.829.832	

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng 131

Đơn vị: Công ty Cổ phần thương mại Bảo Hưng Long
Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, Phường Hùng vương, Quận Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S13 – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131- Công ty TNHH Tân Tiến

Từ ngày 01/12/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: **Đồng**

NT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	TH C/K	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12					1.313.630.331	
02/12	HĐ 00002056	02/12	Bán Xăng Ron 92-II	5111		98.505.200		1.412.135.531	
				33311		9.850.520		1.421.986.051	
18/12	HĐ 00002066	18/12	Bán Dầu Diesel 0.05S_II	5111		54.255.000		1.476.241.051	
				33311		5.425.500		1.481.666.551	
21/12	HĐ 00002068	21/12	Bán Dầu Diesel 0.05S-II	5111		303.850.000		1.785.516.551	
				33311		30.385.000		1.815.901.551	
23/12	GBC 928	23/12	Thanh toán Tiền Dầu Diesel-0.05S	1121			108.355.720	1.707.545.831	
.....			
			Cộng số phát sinh tháng 12			1.852.369.542	874.210.718		
			Số dư cuối tháng 12					2.291.789.155	

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Bảo Hưng Long
Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, Phường Hùng vương, Quận Hồng Bàng, HP

Mẫu số: S13 - DN
 (Ban hành theo TT 200/2014-TT BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG
Tài khoản: Phải thu khách hàng
Tháng 12 Năm 2020

Đơn vị tính: **Đồng**

Tên khách hàng	Số dư đầu tháng 12		Số phát sinh trong tháng 12		Số dư cuối tháng 12	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh	1.652.300.442		2.242.330.378	1.074.800.988	2.819.829.832	
Công ty TNHH Tân Tiến	1.313.630.331		1.852.369.542	874.210.718	2.291.789.155	
.....			
Tổng cộng	4.215.653.874	0	5.465.310.366	3.210.538.927	6.470.425.313	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.

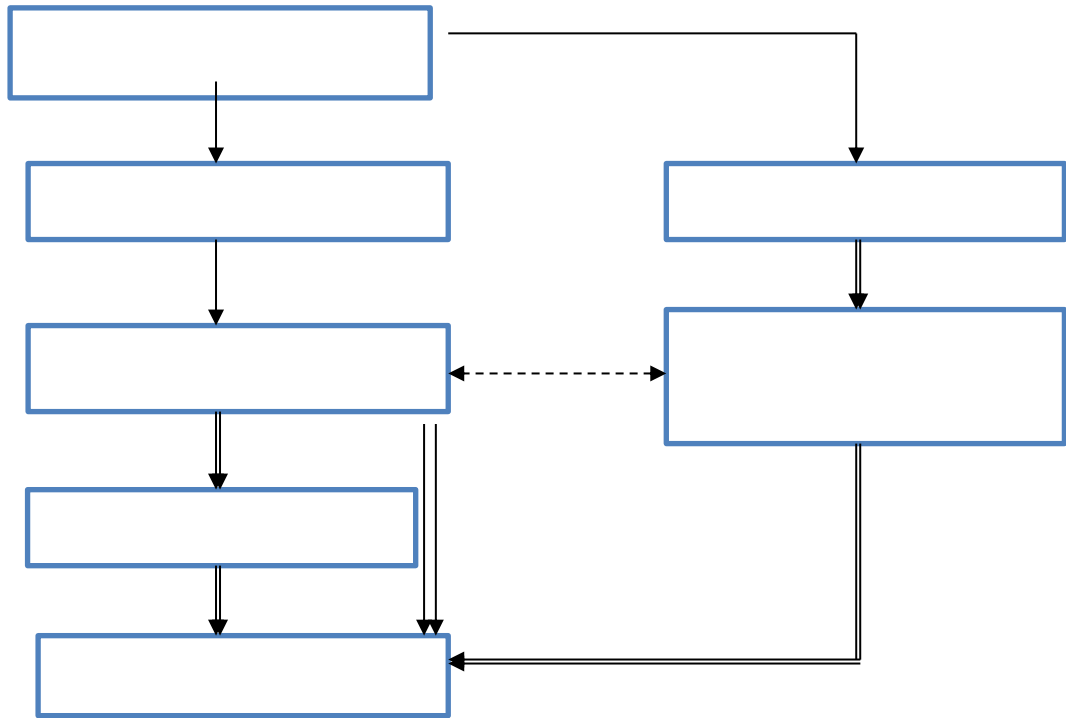
+ Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi .

Tài khoản sử dụng: TK 331- Phải trả nhà cung cấp

+ Kế toán căn cứ vào chứng từ , hóa đơn mà nhà cung cấp xuất trả cho công ty để hạch toán, ghi chép vào Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung , kế toán ghi vào Sổ cái 331 và Sổ chi tiết phải trả người bán .Sau đó tiến hành lập bảng tổng hợp phải trả người bán .

+ Cuối kỳ kế toán khớp các số liệu trên Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Bảng tổng hợp Chi tiết để lập Bảng cân đối số phát sinh . Từ Bảng cân đối số phát sinh ta lập Báo cáo tài chính .



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Hưng Long

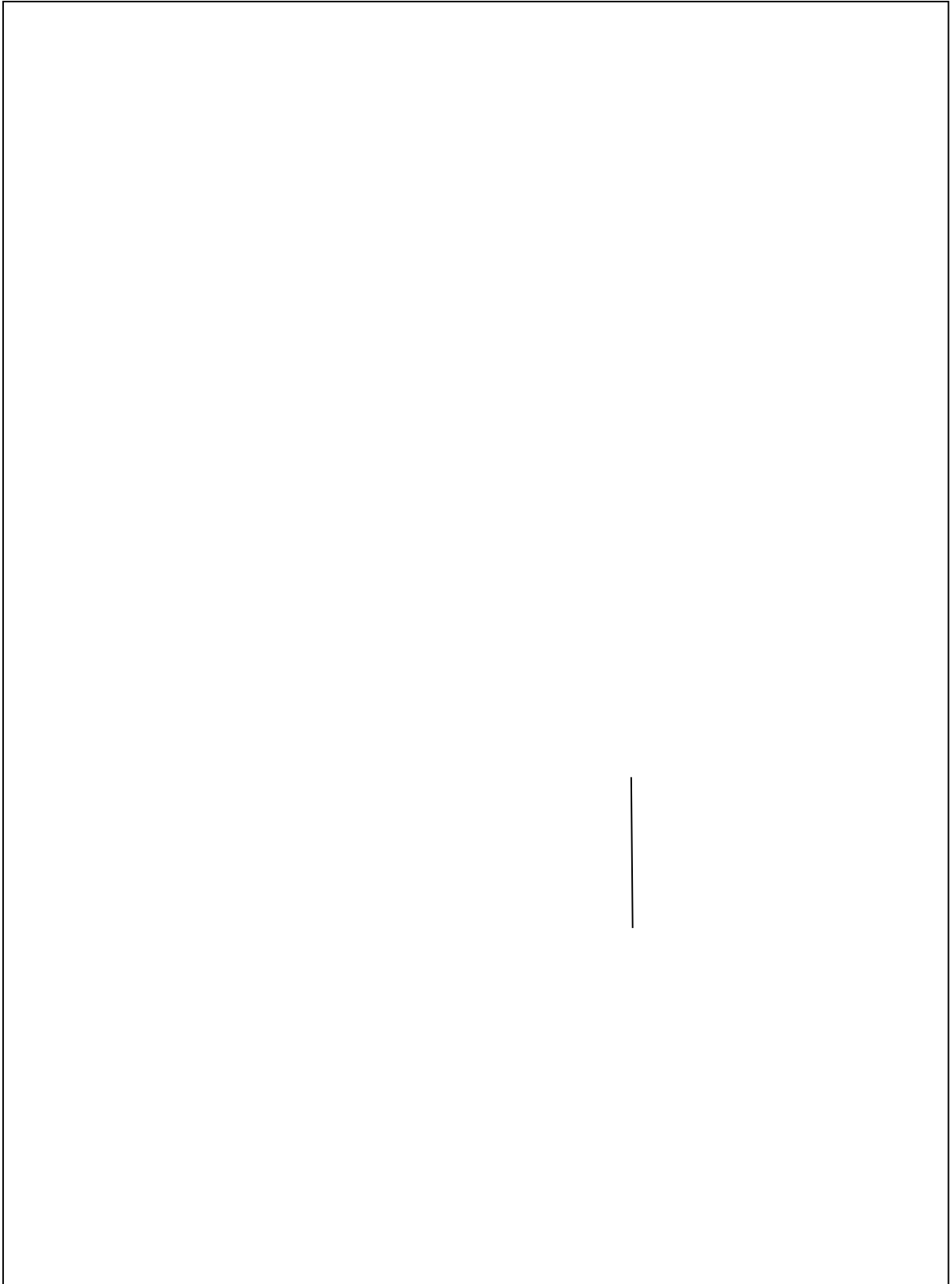
- : Ghi hàng ngày
- ==→ : Ghi định kỳ
- ←- - - -> : Đối chiếu kiểm tra

Ví dụ 1: Ngày 15/12/2020 thanh toán tiền Xăng Ron 95-III Công ty TNHH Một thành viên xăng dầu khu vực III số tiền 172.650.000 đồng bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào giấy báo nợ 944 (**Biểu số: 2.11**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.16**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết 331 (**Biểu số: 2.18**), căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.16**) kế toán ghi vào sổ cái TK 331, sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết 331 (**Biểu số: 2.18**) lập Bảng tổng hợp phải trả người bán (**Biểu số: 2.20**)

Biểu số 2.10: Ủy nhiệm chi số 386



Biểu số 2.11: Giấy báo nợ số 944



GIẤY BÁO NỢ

Số CT100CTV1191570944

Ngày GD : 15/12/2020

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BẢO HÙNG LONG

Mã số thuế: 0200875457

Ngân hàng TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Nợ với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 3052114808062 tại NH TMCP Xăng dầu Petrolimex

Số tiền bằng số: 172.650.000đ

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm lăm mươi ngàn đồng .

Nội dung: Thanh toán tiền Công nợ Xăng Ron 95-II Tháng 11

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ví dụ 2 : Ngày 25/12/2020 ,Công ty mua Dầu Diesel-0.05S-II của Công ty TNHH Một thành viên xăng dầu khu vực III với số tiền 268.750.000 đ và thuế GTGT 26.875.000 đ, Chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00003339 (**Biểu số: 2.12**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.16**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết 331 (**Biểu số: 2.18**), căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.16**) kế toán ghi vào sổ cái TK 156, sổ cái TK 133, sổ cái TK 331.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết 331 (**Biểu số: 2.18**) lập Bảng tổng hợp phải trả người bán (**Biểu số: 2.20**)

Biểu số 2.12:Hóa đơn GTGT số 00003339

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao khách hàng			Mẫu số :01GTKT3/001		
Ngày 25 tháng 12 năm 2020			Ký hiệu : AA/20P		
			Số: 00003339		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Một thành viên xăng dầu khu vực III					
Mã số thuế: 0541124741					
Địa chỉ:Số 1, Sở Dầu ,Hồng Bàng ,Hải Phòng - cửa hàng					
Petrolimex 22					
Điện thoại: 02253.452.011					
Số tài khoản: 2112201019518 tại NHNN và PT nông thôn HP					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Sơn					
Tên đơn vị: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long					
Mã số thuế : 0200875457					
Địa chỉ: 104 đường 5 mới ,Phường Hùng Vương, Quận hồng Bàng,Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: tiền mặt Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Diesel 0.05S-II	Lít	18.195	14.770	268.750.000
Cộng tiền hàng					268.750.000
Thuế GTGT 10%					26.875.000
Tổng số tiền thanh toán					295.625.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm chín mươi năm triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký và đóng dấu)	

Ví dụ 3: Ngày 27/12/2020 ,Công ty mua Xăng E5 Ron 92-II của Công ty TNHH Thiên Phúc với số tiền 244.290.000 đ và thuế GTGT 24.429.000 đ, Chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00003371 (**Biểu số: 2.13**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.16**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết 331 (**Biểu số: 2.19**), căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.16**) kế toán ghi vào sổ cái TK 156, sổ cái TK 133, sổ cái TK 331.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết 331 (**Biểu số: 2.20**) lập Bảng tổng hợp phải trả người bán (**Biểu số: 2.20**)

Biểu số 2.13:Hóa đơn GTGT số 00003371

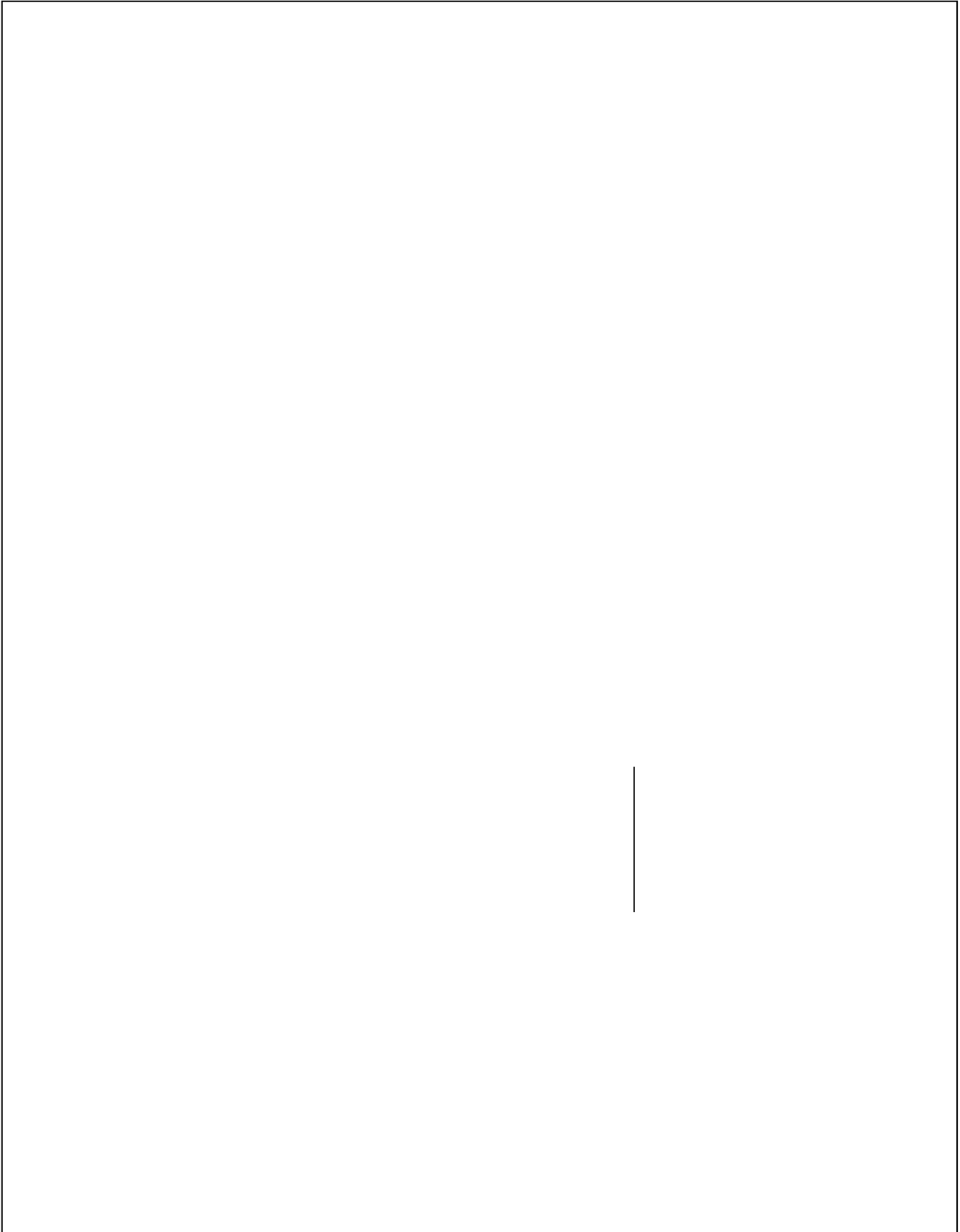
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số :01GTKT3/001			
Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu : AA/20P			
Ngày 27 tháng 12 năm 2020		Số: 00003371			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thiên Phúc					
Mã số thuế: 0241124741					
Địa chỉ:Số 120, Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, Hải Phòng .					
Điện thoại: 02253.452.011					
Số tài khoản: 2101445417856 tại NHNN và PT nông thôn HP					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Sơn					
Tên đơn vị: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long					
Mã số thuế : 0200875457					
Địa chỉ: 104 đường 5 mới ,Phường Hùng Vương, Quận hồng Bàng,Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: tiền mặt Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng E5 Ron 92-II	Lít	16.535	14.770	244.290.000
Cộng tiền hàng					244.290.000
Thuế GTGT 10%					24.429.000
Tổng số tiền thanh toán					268.719.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm mười chín ngàn đồng .					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)	

Ví dụ 4: Ngày 28/12/2020 thanh toán tiền Dầu Diesel cho Công ty TNHH Thiên Phúc số tiền 339.161.000 đồng bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào giấy báo nợ số 952(**Biểu số: 2.15**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.16**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết 331 (**Biểu số: 2.19**), căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.16**) kế toán ghi vào sổ cái TK 331, sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết 331 (**Biểu số: 2.19**) lập Bảng tổng hợp phải trả người bán (**Biểu số: 2.20**)

Biểu số 2.14: Ủy nhiệm chi số 392



Biểu số 2.15: Giấy báo nợ số 952



Biểu số 2.16: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long

Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, phường Hùng Vương,
quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2020

Đơn vị tính: **ĐỒNG**

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			
HD 00003305	01/12	Mua Dầu Diesel-0.05S-II của Công ty TNHH Long Hưng	156 133	331	432.150.000 43.215.000	475.365.000
PC 1011	05/12	Thanh toán tiền VPP cho Công ty TNHH Thương mại Ngọc Cường	3331	1111	13.750.000	13.750.000
HD 00003311	10/12	Mua Xăng Ron 92-II của Công ty TNHH Hải Linh	156 133	331	220.600.000 22.060.000	242.660.000
UNC 386 GBN 944	15/12	Thanh toán tiền Xăng Ron 95-III cho Công ty xăng dầu khu vực III	331	1121	172.650.000	172.650.000
HD 00003334	20/12	Mua Xăng Ron 95-III của Công ty TNHH Nam Ninh	156 133	331	140.930.000 14.093.000	155.023.000
HD 00003339	25/12	Mua Dầu Diesel-0.05S-II của Công ty xăng dầu khu vực III	156 133	331	268.750.000 26.875.000	295.625.000
PC 1012	26/12	Thanh toán tiền VPP cho Công ty TNHH Ngọc Sơn	331	1111	11.025.000	11.025.000
HD 00003371	27/12	Mua Xăng Ron 92-II của Công ty TNHH Thiên Phúc	156 133	331	244.290.000 24.429.000	268.719.000
UNC 392 GBN 952	28/12	Thanh toán tiền Dầu Diezel cho Công ty TNHH Thiên Phúc	331	1121	339.161.000	339.161.000
.....
		Cộng phát sinh tháng 12			56.880.075.235	56.880.075.235

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Sổ cái TK 331

Đơn vị: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng
Long

Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, phường Hùng Vương,
quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

SỔ CÁI
Tháng 12 Năm 2020
Tên TK: Phải trả người bán
Số hiệu : 331
Đơn vị tính: **Đồng**

Chứng từ		Diễn giải	SH	Số tiền	
SH	NT		TKĐƯ	Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 12			3.857.481.112
.....
HĐ 00003305	01/12	Mua Dầu Diesel-0.05S-II của Công ty TNHH Long Hưng	156 133		432.150.000 43.215.000
PC 1011	05/12	Thanh toán tiền VPP cho Công ty TNHH Thương mại Ngọc	1111	13.750.000	
HĐ 00003311	10/12	Mua Xăng Ron 92-II của Công ty TNHH Hải Linh	156 133		220.600.000 22.060.000
UNC 386 GBN 944	15/12	Thanh toán tiền Xăng Ron 95-III cho Công ty xăng dầu khu vực III	1121	172.650.000	
HĐ 00003334	20/12	Mua Xăng Ron 95-III của Công ty TNHH Nam Ninh	156 133		140.930.000 14.093.000
HĐ 00003339	25/12	Mua Dầu Diesel-0.05S-II của Công ty xăng dầu khu vực III	156 133		268.750.000 26.875.000
PC 1012	26/12	Thanh toán tiền VPP cho Công ty TNHH Ngọc Sơn	1111	11.025.000	
HĐ 00003371	27/12	Mua Xăng Ron 92-II của Công ty TNHH Thiên Phúc	156 133		244.290.000 24.429.000
UNC 392 GBN 952	28/12	Thanh toán tiền Dầu Diezel cho Công ty TNHH Thiên Phúc	1121	339.161.000	
.....	
		Số phát sinh tháng 12		2.442.365.951	4.771.858.842
		Số dư cuối tháng 12			6.186.974.003

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Sổ chi tiết TK 331

Đơn vị: Công Ty Cổ Phần thương Mại Bảo Hưng Long
Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Mẫu số: S13 – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty TNHH Một thành viên xăng dầu khu vực III

Từ ngày 01/12/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: **Đồng**

NT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Thời hạn C/K	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12						1.198.721.658
15/12	UNC 386 GBN 944	15/12	Thanh toán tiền Xăng Ron 95-III cho Công ty TNHH Một thành viên xăng dầu khu vực III	1121		172.650.000			1.026.071.658
25/12	HĐ 00003339	25/12	Mua Dầu Diesel-0.05S-II của Công ty TNHH MTV xăng dầu khu vực III	156			268.750.000		1.294.821.658
				133			26.875.000		1.321.696.658

			Cộng số phát sinh tháng 12			982.653.445	1.015.236.986		
			Số dư cuối tháng 12						1.231.305.199

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Sổ chi tiết TK 331

Đơn vị: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long
Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Mẫu số: S13 – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN
 Tài khoản: 331
 Đối tượng: Công Ty TNHH Xăng Dầu Thiên Phúc
 Từ ngày 01/12/2020 đến ngày 31/12/2020
 Đơn vị tính: **Đồng**

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Thời hạn C/K	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12						875.263.110
27/12	HD 00003371	27/12	Mua Xăng Ron 92-II của Công ty TNHH Thiên Phúc	156			244.290.000		1.119.553.110
				133			24.429.000		1.143.982.110
27/12	HD 00003372	27/12	Mua Dầu Diezel của Công ty TNHH Thiên Phúc	156			152.213.000		1.296.195.110
				133			15.221.300		1.311.416.410
28/12	UNC 392 GBN 952	28/12	Thanh toán tiền Dầu Diezel cho Công ty TNHH Thiên Phúc	1121		339.161.000			972.255.410
29/12	UNC 401 GBN 956	29/12	Thanh toán tiền Xăng Ron 92-II cho Công ty TNHH Thiên Phúc	1121		269.334.000			702.921.410
.....		
			Cộng số phát sinh tháng 12			1.025.696.639	1.633.280.456		
			Số dư cuối tháng 12						1.482.846.927

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: Bảng tổng hợp TK 331

Đơn vị: Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long

Địa chỉ: Số 104 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S13 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014-TT BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Tháng 12 Năm 2020

Đơn vị tính: **Đồng**

Tên khách hàng	Số dư đầu tháng 12		Số phát sinh trong tháng 12		Số dư cuối tháng 12	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Công ty TNHH Một thành viên Xăng Dầu khu vực III		1.198.721.658	982.653.445	1.015.236.986		1.231.305.199
Công ty TNHH Thiên Phúc		875.263.110	1.025.696.639	1.633.280.456		1.482.846.927
...						
Tổng cộng	0	3.857.481.112	2.442.365.951	4.771.858.842	0	6.186.974.003

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN
CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA,
NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
BẢO HƯNG LONG.**

3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long .

Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Hưng Long hiện nay đã có những bước phát triển, đổi mới trong hệ thống tổ chức bộ máy kế toán. Đặc biệt là kế toán thanh toán với người mua, người bán. Phương thức ghi chép sổ nhật ký chung đã giúp công ty xử lý khối lượng dữ liệu lớn và hữu hiệu. Khiến công việc lọc, lưu trữ thông tin kế toán được giải quyết một cách dễ dàng, nhanh gọn. Bên cạnh những ưu điểm trên, hệ thống kế toán của công ty vẫn còn tồn tại những nhược điểm đáng lưu ý. Cụ thể như sau :

3.1.1 Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty được phân cấp theo thứ tự từ kế toán trưởng, kế toán doanh thu, công nợ, thủ quỹ. Với quy mô tinh gọn sẽ giúp cho việc vận hành của công ty dễ dàng, nhanh chóng. Tránh gặp những sai sót lớn trong việc xử lý chứng từ kế toán giữa các khâu.

- Về hệ thống sổ sách: Hệ thống ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung là một hình thức khá đơn giản và có hệ thống. Nó giúp cho công ty xử lý số liệu một cách chuẩn xác các số liệu kế toán một cách có hệ thống, khoa học. Ngoài ra khi lên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết từ hệ thống sổ nhật ký chung cũng rất tiện lợi, hiệu quả .

- Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ: Kế toán đã áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính ban hành. Quy trình luân chuyển chứng từ hợp lý và hiệu quả .

- Về hạch toán kế toán thanh toán: Về vấn đề ghi sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết cho từng đối tượng khách hàng sẽ được hoàn thành và dựa vào số liệu đó để lập bảng cân đối số phát sinh và hạch toán. Làm căn cứ để lập báo cáo tài chính từng quý, năm cho công ty.

Công ty theo dõi công nợ phải thu, công nợ phải trả khách hàng một cách khoa học, chính xác và làm hài lòng khách hàng cũng như nhà cung cấp.

Phương thức thanh toán được áp dụng trong công ty khá đa dạng như:

Tiền mặt, chuyển khoản....., tùy theo đối tượng khách hàng và đặc điểm riêng của đơn hàng mà công ty sẽ áp dụng các phương thức thanh toán khác nhau.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm Công ty song đối với tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long vẫn đang tồn tại một số thiếu sót cần được khắc phục :

Hạn chế 1: Công ty chưa áp dụng các phần mềm kế toán trong công tác hạch toán mà vẫn sử dụng thủ công để làm việc điều này dẫn đến công việc kế toán còn mất nhiều thời gian và sai sót .

Hạn chế 2: Chưa có giải pháp đẩy mạnh công tác thu của khách hàng và thanh toán cho khách hàng để khắc phục các khoản nợ khó đòi và thanh toán cho người bán kịp thời.

Hạn chế 3: Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mặc dù thực tế có phát sinh.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long.

Nền kinh tế thị trường đang mở ra rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển, nhưng bên cạnh đó tồn tại không ít khó khăn và thách thức. Nếu doanh nghiệp nào điều phối tốt, biết khắc phục và hạn chế những khó khăn thì sẽ tạo đà cho doanh nghiệp đó bền vững và tiến lên, để hòa nhập với sự phát triển của thế giới. Trong các năm gần đây, nước ta đã không ngừng đẩy mạnh hoàn thiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam nhằm giảm bớt khoảng cách khác biệt giữa kế toán Việt Nam với kế toán thế giới, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập và phát triển .

Vì vậy, Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long cũng nên thay đổi một vài phương pháp hạch toán kế toán để phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán mới ban hành và cũng là tự tạo cơ hội cho mình nhanh chóng hòa nhập với sự phát triển của xã hội.

3.2.1 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Để có thể hoàn thiện tổ chức thanh toán với người mua, người bán tại công ty thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Hoàn thiện công tác kế toán phải dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách

kinh tế của nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin về kế toán mới nhất quán, việc kiểm tra, kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập nên dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định sẽ giúp cho việc thu thập các thông tin kế toán có chất lượng và khoa học giúp cho quá trình phân tích đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty một cách tốt nhất.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời phản ánh các hoạt động tài chính của công ty, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ ko cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị nội bộ trong công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Nếu thông tin không được cung cấp kịp thời có thể ảnh hưởng đến việc xử lý tình huống cần thiết bất ngờ trong doanh nghiệp, còn các đối tượng quan tâm bên ngoài doanh nghiệp như: Ngân hàng, nhà đầu tư mà không được cung cấp thông tin kịp thời có thể công ty sẽ mất đi cơ hội đầu tư và đồng thời để lại ấn tượng không tốt cho bên đối tác, điều đó sẽ làm ảnh hưởng tới việc kinh doanh sau này.

Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện được cần đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất kỳ một giải pháp nào đưa ra cũng phải tính tới những chi phí bỏ ra như: chi phí cho lương nhân viên, chi phí tài chính....., và những hiệu quả mang lại khi áp dụng giải pháp đó. Bởi khi nào hiệu quả lớn hơn chi phí đã bỏ ra thì phương án đó mới được thực hiện.

❖ *Giải pháp 1: tăng cường quản lý công nợ:*

- Công ty phải xây dựng chính sách quản lý công nợ một cách rõ ràng, hệ thống, khoa học để góp phần quản lý công nợ một cách chặt chẽ, có thể phân loại được nhóm nợ theo tiêu chuẩn của công ty đề ra để tránh tình trạng nợ quá hạn mất kiểm soát.

- Quản lý chặt chẽ những khách hàng mới, thăm dò, tìm kiếm thông tin về khách hàng. Đặc biệt là năng lực tài chính của khách hàng để ra quyết định cung cấp hàng.

- Đối với những khách hàng thân niên của công ty, bộ phận kế toán phải có biện pháp theo dõi chặt chẽ và đòi nợ khách hàng đúng kỳ hạn theo hợp đồng thỏa thuận. Tránh trường hợp đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc bộ phận kế toán chưa giục nợ.

- Hàng tháng kế toán công nợ phải có trách nhiệm báo cáo cho kế toán trưởng về tình hình công nợ của công ty, để căn cứ vào đó kế toán trưởng sẽ đưa ra phương án xử lý cho kịp thời, phù hợp.

- Nâng cao trình độ, đội ngũ kế toán công ty bằng cách trau dồi, đào tạo những nhân sự kế toán cũ và mở rộng tuyển dụng những nhân sự mới, năng động, nhiệt huyết, tài năng.

Ví dụ 1: Biên bản đối chiếu công nợ với Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh đến tháng 12/2020 :

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào thỏa thuận giữa 2 bên

Hôm nay ngày 31/12/2020, tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long , chúng tôi gồm có :

1. Bên mua : Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh

- Địa chỉ : Số 12, phường Phù Liễn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

- Điện thoại : 02253.252.252

- Đại diện : Bà Nguyễn Thị Linh - Chức vụ : Giám đốc

2. Bên bán : Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Hưng Long

- Địa chỉ : Số 104 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại : 02253.369.369

- Đại diện : ông Phạm Đăng Hạnh- chức vụ : Giám đốc

Cùng nhau đối chiếu công nợ từ 1/12/2020 đến 31/12/2020, cụ thể như sau:

1. Đối chiếu công nợ :

Đơn vị tính: **Đồng**

Stt	Diễn giải	Số tiền
1	Số dư đầu tháng 12	1.652.300.442
2	Số phát sinh tăng trong tháng 12	2.242.330.378
3	Số đã trả trong tháng 12	1.074.800.988
4	Số dư phải trả cuối tháng 12	2.819.829.832

Bằng chữ : Hai tỷ tám trăm mười chín triệu tám trăm hai mươi chín ngàn tám trăm ba mươi hai đồng

2. Kết luận :

Tính đến hết 31/12/2020 Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Anh còn phải thanh toán cho Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long số tiền là 2.819.829.832 đ. (Hai tỷ tám trăm mười chín triệu tám trăm hai mươi chín ngàn tám trăm ba mươi hai đồng) .

Biên bản này được làm thành 02 bản mỗi Bên giữ 01 bản để làm cơ sở thanh toán giữa hai bên .

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty CP TM Bảo Anh
(ký, ghi họ tên)

Công ty CP TM Bảo Hưng Long
(ký tên, đóng dấu)

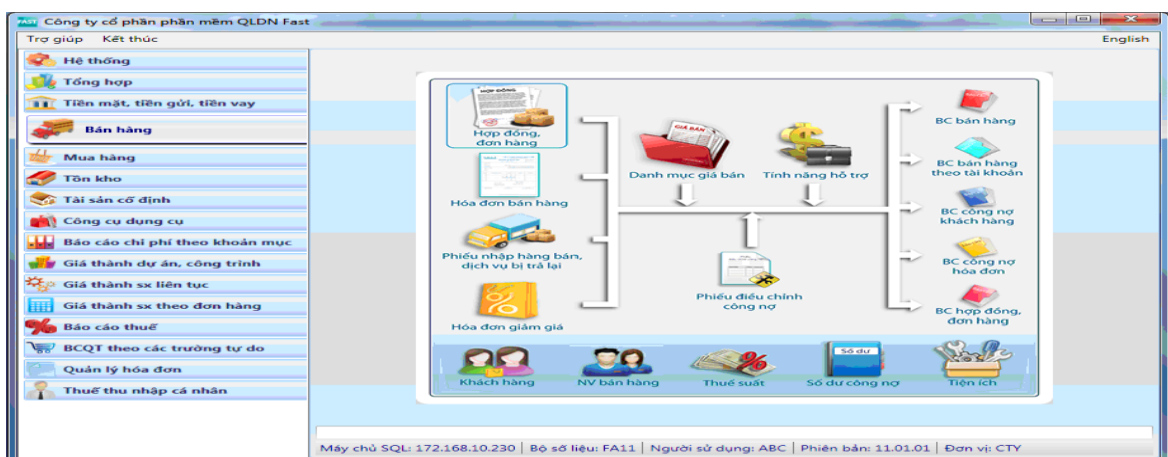
❖ *Giải pháp 2: Hoàn thiện công tác ghi chép sổ sách*

Tại Công ty CP TM Bảo Hưng Long, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, công ty nên ứng dụng phần mềm vào chi phí quản lý ghi chép sổ sách kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FAST
 - Phần mềm kế toán MISA
 - Phần mềm kế toán VACOM.
- Thông tin về các gói sản phẩm của FAST: FAST Accounting là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.
 - Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.
 - Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn

- * **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn>



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng. Fast Accounting với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất. Phần mềm này được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

❖ *Giải pháp 3: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.*

Hiện nay, chiếu theo điều kiện của việc lập dự phòng phải thu khó đòi, Công ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long chưa khai lập dự phòng. Nhưng để kiểm soát được nguồn tài chính của công ty, tránh được tổn thất do các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra. Sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như cách thức lập phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước như sau:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi : Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tác dụng dự phòng phải thu khó đòi : việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, đảm bảo cho công ty phản ánh đúng giá trị các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Về cơ sở pháp lý của việc lập dự phòng: Kế toán căn cứ vào thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành 08/08/2019 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Điều kiện lập dự phòng : Doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.
- Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.
- Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi doanh nghiệp có thể áp dụng.

Trước hết doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra và tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở nên	100%

- Đối với khoản nợ thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.... thì doanh nghiệp dự tính mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

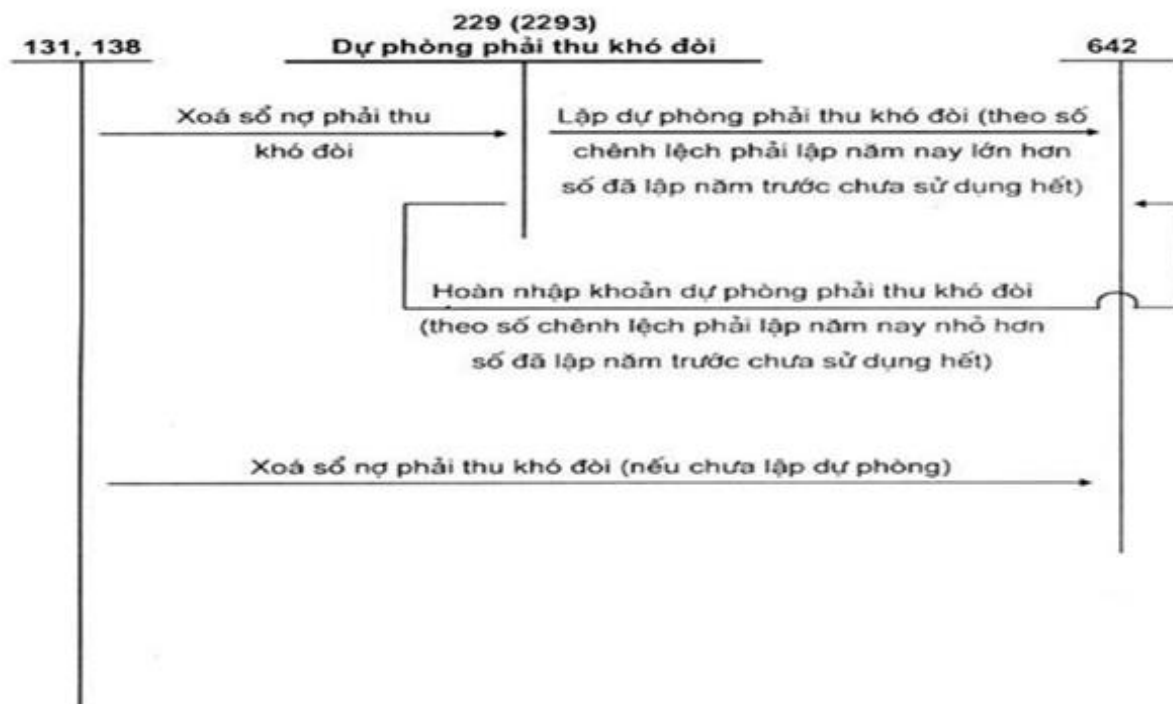
Tài khoản sử dụng: TK 229 : Dự phòng tổn thất tài sản.

TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ	Bên Có
Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kì trước, chưa sử dụng hết. Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất đã xảy ra. Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thu thu hồi	- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm báo cáo tài chính. Số dư bên có: số dự phòng tổn thất tài sản hiện có ở cuối kỳ.

Trình tự hạch toán.



Ví dụ minh họa về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Công ty

Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long
Số 104 đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tháng 12 Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên Công ty	Công nợ	Thời quá hạn	Mức trích lập	Số tiền
1	Công ty TNHH vận tải Bình An	215.450.000	6 tháng 15 ngày	30%	64.635.000
2	Công ty TNHH Thương mại vận tải	201.223.540	8 tháng 5 ngày	30%	60.367.062
	...				
	Cộng phát sinh				145.948.950

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

- Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2020 cho khoản nợ quá hạn theo bảng tính ở trên là: 145.948.950 đồng, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 145.948.950

Có TK 229(3) : 145.948.950

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

KẾT LUẬN

Hiện nay quản lý tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán là một vấn đề gây đau đầu cho những người làm sản xuất và kinh doanh, dù muốn hay không doanh nghiệp vẫn luôn phải đối mặt với nó, ví dụ như làm thế nào để thu hồi công nợ không những đúng, kịp thời mà còn ngăn ngừa được những rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi mà vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bên... Do đó việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán nhằm quản lý tốt công nợ luôn là mối quan tâm lớn của doanh nghiệp.

Đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long**” đã khái quát lý luận chung về kế toán thanh toán trong các doanh nghiệp, mô tả được thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long và đưa ra được một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thanh toán.

Trên thực tế công tác thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long vẫn còn một số hạn chế:

Hạn chế 1: Công ty chưa áp dụng các phần mềm kế toán trong công tác hạch toán mà vẫn sử dụng thủ công để làm việc điều này dẫn đến công việc kế toán còn mất nhiều thời gian và sai sót.

Hạn chế 2: Chưa có giải pháp đẩy mạnh công tác thu của khách hàng và thanh toán cho khách hàng để khắc phục các khoản nợ khó đòi và thanh toán cho người bán kịp thời.

Hạn chế 3: Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mặc dù thực tế có phát sinh.

Theo đó, Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long cần triển khai một số giải pháp để khắc phục những hạn chế nêu trên :

Giải pháp 1: Tăng cường quản lý công nợ phải thu và lập hồ sơ theo dõi khách hàng.

Giải pháp 2 : Áp dụng phần mềm kế toán trong tổ chức kế toán.

Giải pháp 3 : Triển khai lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản phải thu quá hạn theo quy định

Em xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô tại Trường Đại Học Quản Lý Và Công Nghệ Hải Phòng đã hướng dẫn, giúp đỡ em trong quá trình hoàn thành khóa luận. Đồng cảm ơn các Anh, Chị công tác tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại công ty.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 200/2014/TT (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ tài chính*.
4. Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bảo Hưng Long(2020) *Sổ sách kế toán Công ty*.